

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN THỊ THU HƯƠNG

**ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
THEO LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2014
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. DƯƠNG ĐỨC CHÍNH

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là đề tài luận văn nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS.Dương Đức Chính – Học viện Khoa học xã hội. Các luận điểm, dẫn chứng, số liệu, ví dụ nêu trong luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

Kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ đề tài, công trình nghiên cứu nào khác.

Tác giả luận văn

Phan Thị Thu Hương

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
ĐTTN	Đầu tư trong nước
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GCNĐKĐT	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐND	Hội đồng nhân dân
LĐT	Luật Đầu tư
LDN	Luật Doanh nghiệp
LĐT năm 2005	Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2005
LĐT năm 2014	Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014
Luật khí tượng thủy văn năm 2015	Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015
Luật Thú y năm 2015	Luật Thú y ngày 19 tháng 06 năm 2015
Nghị định số 108	Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
Nghị định số 43	Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai
Nghị định số 118	Nghị định số 118/20015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ THEO PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của đăng ký đầu tư theo pháp luật đầu tư	7
1.2. Khái quát các quy định của pháp luật về đăng ký đầu tư trước Luật đầu tư năm 2014	13
1.3. Nội dung của pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014.....	16
Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2014	36
2.1. Tình hình kinh tế - xã hội và đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	36
2.2. Thực trạng pháp luật về đăng ký đầu theo Luật Đầu tư năm 2014.....	38
2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016	42
2.4. Đánh giá chung pháp luật đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 và tình hình thực thi pháp luật về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội.....	52
Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2014 TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	59
3.1. Phương hướng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 từ thực tiễn Thành phố Hà Nội	59
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội.....	60
KẾT LUẬN	73
TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ngày nay đã và đang tạo ra xu hướng nhất thể hóa các nền kinh tế trên thế giới. Sự kiện Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), cùng với những thuận lợi và thách thức đối với nước ta khi gia nhập WTO nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng. Trong đó, nguồn vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng, tạo nguồn lực bổ sung về vốn, công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý là lao động trình độ cao với phong cách công nghiệp, góp phần tạo việc làm, nâng cao trình độ, phát triển nhiều mặt của đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc phát triển kinh tế, cụ thể hóa chủ trương lớn đó, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa 13, ngày 28 tháng 11 năm 2013 đã thông qua Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một lần nữa khẳng định tại Điều 50: *“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*[33, Điều 50].

Kinh nghiệm của hầu hết các quốc gia trên thế giới, đối với các chiến lược kinh tế cần phải vận dụng sáng và phát huy các nguồn lực nội tại, thúc đẩy tiến trình hội nhập, hợp tác quốc tế sâu rộng qua đó từng bước hiện thực hóa mục tiêu đã đề ra cần phải được chú trọng. Lĩnh vực kinh tế có những đặc thù riêng đó là, muốn kinh tế phát triển kinh tế thì phải đầu tư. Cá nhân, tổ chức trong nước hay ngoài nước đều có thể tham gia vào quá trình đầu tư nhưng xét về mặt pháp lý để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho nhà đầu tư cũng như mục đích quản lý xã hội của nhà nước, thủ tục để thực hiện hoạt động đầu tư đều do Nhà nước thống nhất quản lý bằng các chế định pháp luật.

Do đó, pháp luật về đầu tư phải thực sự là đòn bẩy thúc đẩy hoạt động đầu tư phát triển mạnh mẽ, đa dạng và hiệu quả nếu phản ánh đúng, phù hợp và khoa học. Ngược lại, chính những rào cản kìm hãm hoạt động đầu tư lại thuộc về yếu tố pháp luật, nếu pháp luật còn nhiều bất cập, không phù hợp, không theo kịp trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

Một trong những chế định quan trọng hàng đầu đó là các quy định liên quan đến thủ tục đăng ký đầu tư. Chế định này là cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư được quan tâm hơn, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII ngày 26 tháng 11 năm 2014 đã thông qua Luật Đầu tư (LĐT), tuy nhiên, các quan hệ xã hội luôn thay đổi do đó, sau một thời gian áp dụng trên thực tế pháp luật về đăng ký đầu tư đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc cần được điều chỉnh: Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được LĐT năm 2014 rút ngắn đáng kể so với LĐT năm 2005. Tuy nhiên, xem xét thực tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư hiện hành, chúng tôi thấy rất ít trường hợp nhà đầu tư được cấp giấy chứng nhận đầu tư đúng thời hạn theo quy định của LĐT năm 2014; LĐT năm 2014 đã thừa nhận chính thức thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư. Dự án phải xin chủ trương đầu tư là những dự án lớn và đặc biệt, tuy nhiên, việc thừa nhận thủ tục phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư có thể phát sinh hệ lụy. Trong bối cảnh LĐT và LDN sửa đổi mới được ban hành và chưa có thực tế áp dụng, sự cản trở của các cơ quan cấp phép có thể tạo môi trường thuận lợi cho việc áp dụng tràn lan thủ tục xin chủ trương đầu tư. Khi đó, có nguy cơ nhiều dự án không thuộc diện xin chủ trương đầu tư cũng bị bắt buộc phải xin chủ trương đầu tư trong thực tế; LĐT cũng chưa giải quyết triệt để bài toán về tư cách của nhà đầu tư nước ngoài. LĐT quy định hai tiêu chí để xác định tư cách nhà đầu tư nước ngoài: quốc tịch và vốn (vốn đầu tư từ nước ngoài).

Đứng trước yêu cầu hoàn thiện quy định của pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 để khắc phục những hạn chế, bất cập của pháp luật về

đăng ký đầu tư nêu trên. Đồng thời, xuất phát từ nhu cầu bức thiết trong thực tiễn về thu hút đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và đặc biệt là thành phố Hà Nội, tác giả đã lựa chọn đề tài “ **Đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội**” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, các quy định của pháp luật về thủ tục đăng ký đầu tư đã thu hút không ít sự quan tâm của các nhà quản lý, các nhà khoa học. Hiện đã có một số đề tài nghiên cứu, bài viết được công bố rải rác trên các sách báo, tạp chí, yêu cầu và phương hướng, giải pháp hoàn thiện, nâng cao chất lượng quản lý trong lĩnh vực đầu tư có hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với thời mở cửa hội nhập quốc tế, cụ thể như sau:

- Đặng Ngọc Bảo (2011), *Thực trạng thi hành pháp luật về cấp giấy chứng nhận đầu tư theo Luật Đầu tư 2005*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Thị Hải (2014), *Hoàn thiện pháp luật về đầu tư – qua thực tiễn đầu tư nước ngoài tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.

- Trịnh Thị Thúy Hằng (2013), *Điều kiện đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong bối cảnh gia nhập WTO*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Thị Phương Hồng (2010), *Thủ tục đăng ký và thẩm tra dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư ở Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Đình Tuấn (2014), *Pháp luật về đăng ký đầu tư từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

Những công trình nghiên cứu trên đã đề cập một số vấn đề chung về lý luận và pháp lý về đăng ký đầu tư theo pháp luật đầu tư, cũng như đưa ra một số giải pháp chung để đảm bảo thi hành pháp luật về đăng ký đầu tư theo pháp luật đầu tư. Tuy nhiên, vẫn chưa đánh giá được một cách toàn diện và hệ thống chuyên biệt về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 mà chủ yếu mới chỉ đề cập được một số hạn chế nhất định của pháp luật đầu tư, chưa có những giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014, chưa đưa ra được những giải pháp đồng bộ và hệ thống để hoàn thiện thực thi pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014. Đặc biệt, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu tình hình áp dụng pháp luật và thực tiễn pháp luật về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội để đưa ra những kiến giải cụ thể, sát thực nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo đó, luận văn sẽ tiếp tục nghiên cứu những vấn đề còn lại về lý luận pháp lý và thực tiễn đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là trên cơ sở phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc áp dụng các quy định của LĐT năm 2014 về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, Luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về đăng ký đầu tư đối với hoạt động đầu tư của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Nghiên cứu thực tiễn tình hình thực hiện pháp luật về thủ tục đăng ký đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội trong những năm gần đây.

- Đề xuất kiến nghị cơ bản nhằm hoàn thiện chế định pháp luật về thủ tục đăng ký đầu tư.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại địa bàn thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là văn bản LĐT năm 2014 và các văn bản dưới luật cũng như các văn bản có liên quan của thành phố Hà Nội về lĩnh vực thủ tục đăng ký đầu tư trong giai đoạn từ năm 2012 đến tháng 06 năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu và vận dụng lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam (trong các Văn kiện của Đảng).

Luận văn thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, trong đó sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, đó là: hệ thống, thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp ... Luận văn sử dụng số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phòng Đầu tư nước ngoài, phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, số liệu của Cục thống kê Hà Nội, số liệu các công trình, dự án, bài viết trên các sách, báo, tạp chí đã được công bố, đăng tải.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về lý luận, luận văn góp phần làm rõ thêm khái niệm đăng ký đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến việc thi hành thủ tục đăng ký đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về thực tiễn, các đề xuất và giải pháp của luận văn có thể vận dụng và thực tế nhằm nâng cao chất lượng trong việc thi hành đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội cũng như trong việc thi hành thủ tục đăng ký đầu tư tại các địa phương trong cả nước.

Đồng thời luận văn cũng sẽ là một tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu học tập, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức đảm nhiệm công tác chuyên môn về đăng ký đầu tư nói riêng và trong khoa học luật nói chung.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu theo ba chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về đăng ký đầu tư theo pháp luật đầu tư

Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

THEO PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của đăng ký đầu tư theo pháp luật đầu tư

1.1.1. Định nghĩa đăng ký đầu tư

Đầu tư là một khái niệm có từ khá sớm, đã từng xuất hiện trong bộ cổ luật Hamurabi (khoảng 1700 năm Trước Công Nguyên). Bộ luật này quy định về hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư, và tạo ra một phương tiện cho việc cầm cố tài sản bằng việc pháp điển hóa quyền của chủ nợ và con nợ đối với đất đai bị cầm cố.

Trong nền kinh tế thị trường, khái niệm đầu tư được sử dụng tương đối rộng rãi và phổ biến. Hoạt động đầu tư thực chất là quá trình sử dụng các nguồn lực về tài chính, lao động, tài nguyên thiên nhiên và các tài sản vật chất khác nhằm trực tiếp hoặc gián tiếp tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng các cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế nói chung.

Dưới góc độ kinh tế, đầu tư được xem là việc sử dụng các điều kiện hay nguồn lực hiện tại nhằm đem lại cho nền kinh tế - xã hội những kết quả trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã được sử dụng để đạt được các kết quả đó.

Dưới góc độ chính trị - xã hội, đầu tư được hiểu là “việc bỏ nhân lực, tài lực, vật lực vào công việc gì, trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế - xã hội”. Ở góc độ xã hội, một ví dụ điển hình là bố mẹ “đầu tư” tiền của, công sức để con cái học hành nên người hay nhà nước đầu tư, chi ngân sách cho “giáo dục”, đầu tư vào “con người” với mong muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Đầu tư theo nghĩa rộng là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về cho người đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được các kết quả

đó. Nguồn lực có thể là tiền, là tài nguyên thiên nhiên, là sức lao động và trí tuệ. Các kết quả đạt được có thể là sự tăng thêm các tài sản tài chính, tài sản vật chất, tài sản trí tuệ và nguồn lực.

Đầu tư theo nghĩa hẹp chỉ bao gồm những hoạt động sử dụng các nguồn lực ở hiện tại nhằm đem lại cho nền kinh tế - xã hội những kết quả trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã sử dụng để đạt được các kết quả đó. Nói tóm lại, có rất nhiều khái niệm về đầu tư được xem xét ở nhiều góc độ khác nhau. Tuy vậy, ở góc độ tổng quát, khái niệm về đầu tư được đưa ra một cách tương đối như sau: *“đầu tư là hoạt động sử dụng các nguồn lực tài chính, nguồn lực vật chất, nguồn lực lao động và trí tuệ để sản xuất kinh doanh trong một thời gian tương đối dài nhằm thu về lợi nhuận và lợi ích kinh tế, xã hội”*.

Dưới góc độ pháp lý, đầu tư là việc nhà đầu tư, bao gồm các tổ chức cá nhân, bỏ vốn, tài sản theo các hình thức và cách thức do pháp luật quy định để thực hiện hoạt động nhằm mục đích sinh lợi nhuận hoặc lợi ích về kinh tế, xã hội. Hoạt động đầu tư có thể có tính chất kinh doanh hoặc không vì mục đích kinh doanh, thương mại. Tuy nhiên, trong khoa học pháp lý cũng như trong các thực tiễn xây dựng chính sách, pháp luật về đầu tư, hoạt động đầu tư chủ yếu được đề cập là hoạt động đầu tư, kinh doanh với bản chất là *“sự chi phí của cải vật chất nhằm mục đích làm tăng giá trị tài sản hay tìm kiếm lợi nhuận trong tương lai”*[28,Tr.7-8].

Trong LĐT và các văn bản hướng dẫn thi hành không đề cập đến khái niệm về “đăng ký đầu tư”. Đăng ký đầu tư có thể được xem như là một dạng đặc biệt của thủ tục hành chính. Khi nghiên cứu khái niệm và đặc điểm của thủ tục hành chính chúng ta có thể phân tích đôi nét về đăng ký đầu tư như sau:

Đăng ký đầu tư là tổng thể những hoạt động cụ thể mang tính pháp lý cần thiết phải tiến hành theo trình tự, thủ tục nhất định do pháp luật đầu tư

quy định nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quá trình đầu tư và quản lý đầu tư.

Đăng ký đầu tư là chuỗi những hoạt động cụ thể của nhà đầu tư và cơ quan quản lý về đầu tư trước khi tổ chức thực hiện dự án đầu tư. Do đó, đăng ký đầu tư là hoạt động tiền đề, khâu đầu tiên và là cơ sở cho những bước tiếp theo.

1.1.2. Đặc điểm đăng ký đầu tư

- Chủ thể của đăng ký đầu tư là Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và các nhà đầu tư được điều chỉnh bởi Luật đầu tư

Để bảo vệ lợi ích của các cá nhân, tổ chức và toàn xã hội, pháp luật quy định những chủ thể được tham gia quan hệ pháp luật đầu tư và những điều kiện cần đáp ứng để tham gia các quan hệ đó. Các chủ thể đáp ứng các điều kiện do pháp luật quy định để tham gia quan hệ đầu tư được coi là có năng lực chủ thể pháp luật đầu tư (năng lực pháp luật và năng lực hành vi), bao gồm: nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Quan hệ pháp luật về đăng ký đầu tư là quan hệ phát sinh giữa các nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư trong quá trình xem xét và cấp giấy chứng nhận đầu tư. Quan hệ này luôn tồn tại hai nhóm chủ thể có địa vị pháp lý khác nhau (không bình đẳng): một bên là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và một bên là các nhà đầu tư được điều chỉnh bởi pháp luật về đăng ký đầu tư[48, Tr. 41].

Để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư, Nhà nước phải thông qua các cơ quan nhà nước về đầu tư với sự phân công, phân cấp về thẩm quyền quản lý cho từng cơ quan quản lý một cách phù hợp.

- Nội dung của đăng ký đầu tư là các hoạt động cụ thể mang tính pháp lý cần thiết phải thực hiện

Nội dung của đăng ký đầu tư là một bộ phận của quan hệ pháp luật về đăng ký đầu tư, cùng với chủ thể và khách thể của đăng ký đầu tư tạo nên quan hệ pháp luật về đăng ký đầu tư. Quan hệ pháp luật về đăng ký đầu tư là quan hệ xuất hiện do ý chí của các nhà đầu tư, thông qua hoạt động của các

bên tham gia quan hệ : cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và nhà đầu tư [48, Tr. 45]. Các bên tham gia quan hệ bày tỏ ý chí của mình bằng việc tiến hành một hoặc một số hành động nhất định: nhà đầu tư thực hiện lập báo cáo tài chính, ... cơ quan nhà nước tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Quan hệ pháp luật về đăng ký đầu tư xuất hiện trên cơ sở quy phạm pháp luật về đầu tư đối với các bên tham gia quan hệ: nhà đầu tư được quyền thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật...; trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư phải lập báo cáo thẩm định trình UBND...

Nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có quyền và nghĩa vụ pháp lý được nhà nước đảm bảo thực hiện, đó là cách xử sự của các bên tham gia quan hệ pháp luật về đăng ký đầu tư là do pháp luật về đăng ký đầu tư quy định và đảm bảo thực hiện.

Khi quan hệ pháp luật về đầu tư xuất hiện trên thực tế cuộc sống, các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ pháp lý đã được pháp luật về đầu tư xác định trước. Để tham gia vào quan hệ nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư phải có những điều kiện nhất định. Những điều kiện này được pháp luật quy định khác nhau đối với từng loại quan hệ xuất hiện trên thực tế trong quá trình thực hiện dự án đầu tư của các nhà đầu tư.

- Hình thức của đăng ký đầu tư được tiến hành theo trình tự, thủ tục nhất định do pháp luật đầu tư quy định

Nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư phải tiến hành hoạt động đăng ký đầu tư theo thứ tự các bước thực hiện, cách thức thực hiện, những loại giấy tờ mà nhà đầu tư cần phải nộp và yêu cầu, điều kiện do pháp luật quy định để giải quyết việc đăng ký đầu tư của nhà đầu tư. Hoạt động này đòi hỏi các chủ thể trong quan hệ đăng ký đầu tư phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

- Mục đích của đăng ký đầu tư

Mục đích chủ yếu của việc quy định về đăng ký đầu tư là để đảm bảo sự quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư cũng như các hoạt động kinh doanh nói chung, tránh lãng phí, thất thoát và kém hiệu quả trong đầu tư. Đồng thời thông qua đó nhà nước thừa nhận tính hợp pháp của hoạt động đầu tư, từ đó có cơ sở pháp lý để bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của nhà đầu tư. Bản chất của việc đăng ký đầu tư là sự công nhận, thừa nhận của nhà nước đối với sự tồn tại nhà đầu tư. Do vậy, mục đích của nhà nước là hướng đến sự quản lý đối với các hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư và đảm bảo cho hoạt động đó trên thực tiễn. Đồng thời, mục đích của nhà đầu tư là được hoạt động kinh doanh và được bảo vệ về quyền và lợi ích chính đáng của mình [47, Tr.58].

1.1.3. Ý nghĩa về mặt quản lý và phát triển

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, công nghiệp hóa - hiện đại hóa phát triển ngày càng mạnh, các công trình dự án xây dựng ở khắp nơi, cùng với các dự án có quy mô vốn lớn của các nhà đầu tư nước ngoài... Do đó, việc đăng ký dự án đầu tư có ý nghĩa hết sức to lớn, giúp chúng ta nắm bắt được tình hình phát triển của nền kinh tế thông qua các dự án đăng ký đầu tư của các chủ đầu tư, từ đó các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực đầu tư nói riêng và lĩnh vực phát triển kinh tế nói chung sẽ đưa ra được các chiến lược phát triển kinh tế - đầu tư và các chính sách phù hợp đối với từng ngành nghề của lĩnh vực đầu tư góp phần đưa đất nước phát triển kinh tế ngày càng vững chắc trong xu hướng hội nhập kinh tế, quốc tế hiện nay.

1.1.3.1. Ý nghĩa về mặt quản lý

Đầu tư và phát triển là hai yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau. Quốc gia muốn phát triển thì đầu tư rất cần thiết bao gồm đầu tư trong nước và đầu tư ngoài nước, điều đó không có nghĩa là chỉ chú trọng đến đầu tư mà xem nhẹ các lợi ích khác. Hoạt động đầu tư bắt buộc phải được đặt dưới sự quản lý, kiểm soát của Nhà nước. Việc quản lý về đầu tư có thể thông qua cơ chế, chính sách và pháp luật hoặc thông qua hoạt động hiệu quả của cơ

quan có thẩm quyền cũng như của cả hệ thống. Những yếu tố đó có thể đạt được mục đích thông qua việc xây dựng, ban hành và vận dụng hệ thống các quy định liên quan đến đầu tư nói chung và đăng ký đầu tư nói riêng.

1.1.3.2. Ý nghĩa về mặt phát triển

Đất nước ta đang trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu sắc và toàn diện trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đăng ký đầu tư ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế quốc gia phát triển. Các quy định về lĩnh vực đầu tư góp phần tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài. Từ đó:

- Thúc đẩy sản xuất trong nước, đẩy nhanh tốc độ phát triển đất nước ;
- Huy động, bổ sung nguồn vốn quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước;
- Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập và mức sống cho người lao động, tham gia phát triển nguồn lực trong nước;
- Làm hấp dẫn và tăng thêm sự tin tưởng của các nhà đầu tư, thu hút vốn đầu tư nước ngoài;
- Mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa thúc đẩy nhanh tiến trình hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

Chính các quy định về đăng ký đầu tư có vai trò và ý nghĩa quan trọng, tác động có hiệu quả đến đầu tư phát triển, các mục tiêu kinh tế quốc gia, qua đó các nhà đầu tư yên tâm và tự tin khi quyết định bỏ vốn sản xuất kinh doanh.

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới và khu vực diễn ra hết sức gay gắt, các quốc gia đang từng bước cải cách mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng tự do hóa đầu tư, thương mại. Hệ thống pháp luật về đầu tư được coi là có tính cạnh tranh cao cần có chính sách đột phá tương đối so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, chính các quy

định về đăng ký đầu tư là phương tiện cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia.

Vì vậy, các quy định về đăng ký đầu tư là những quy định không thể thiếu được trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia. Những hoạt động đầu tư từ khi có ý tưởng cho đến lúc triển khai trên thực tế sẽ không thực hiện được nếu không có các quy định này, các nhà đầu tư sẽ lúng túng khi bắt đầu thực hiện hoạt động đầu tư và vận dụng thế nào để đạt được mục đích đầu tư kinh doanh. Do đó, pháp luật về đăng ký đầu tư của mỗi quốc gia đều cần phải tiếp tục được chú trọng, có sự điều chỉnh nhằm hoàn thiện hơn, hiệu quả hơn để góp phần đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội.

1.2. Khái quát các quy định của pháp luật về đăng ký đầu tư trước Luật đầu tư năm 2014

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1977 đến năm 2005

Đây là giai đoạn đầu hình thành các văn bản quy định về hoạt động đầu tư, đặc biệt chú trọng điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam. Ở thời kỳ này chúng ta còn có sự phân biệt và quy định trong các văn bản khác nhau về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Ngày 18 tháng 4 năm 1977, Hội đồng Chính phủ ban hành “*Điều lệ về đầu tư của nước ngoài ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Nội dung của văn bản quy định những nguyên tắc hợp tác đầu tư, bước đầu đã được giải thích khái niệm “ đầu tư nước ngoài”, những quy định về tỷ lệ vốn của phía nước ngoài trong các liên doanh... Nhưng nhìn chung thủ tục đầu tư cũng chưa được cụ thể. Quy trình thẩm định và nội dung đầu mục hồ sơ chưa được đề cập tới. Tuy nhiên, văn bản cũng đã quy định được đầu mỗi nhận hồ sơ và cấp Giấy phép đầu tư là Bộ ngoại thương (nay là Bộ Công thương) [27, Điều 17, Điều 19], đã quy định thời hạn xem xét thẩm định hồ sơ là 03 tháng và sau khi nhận được Giấy phép đầu tư [27, Điều 18] nhà đầu tư phải đăng ký đầu tư tại Bộ Ngoại thương để quản lý chung về hoạt động kinh doanh và đăng ký với Bộ Tài chính để quản lý các vấn đề về thuế, tài chính [27, Điều 20].

Xuất phát từ những yêu cầu khách quan của sự vận động xã hội, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa 8 ngày 31/12/1987 đã thông qua LĐT nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là LĐT nước ngoài năm 1987). Luật đã quy định rõ về quy trình thẩm định cấp Giấy phép đầu tư và giới hạn thời hạn tối đa là 03 tháng cơ quan cấp giấy phép đầu tư phải trả lời nhà đầu tư về việc cấp Giấy phép đầu tư [29, Điều 38]. Ngoài ra, quy định về nội dung hồ sơ của từng loại hình thức đầu tư, về đơn, điều lệ, hợp đồng, chứng giải kinh tế kỹ thuật... và những tài liệu liên quan khác trong quá trình làm thủ tục đầu tư được quy định rất rõ ràng, cụ thể [29, Điều 37].

LĐT nước ngoài năm 1987 đã góp phần thúc đẩy các hoạt động đầu tư của nước ngoài phát triển đáng kể. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng đã nảy sinh một số bất cập cần được điều chỉnh. Chính vì vậy, luật này đã được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1990 và 1992. Nội dung sửa đổi, bổ sung về cơ bản không đề cập đến thủ tục đầu tư.

Thời điểm năm 1996, khi đất nước bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới, Quốc hội khóa 9 tại kỳ họp thứ 10 ngày 12/11/1996 đã thông qua LĐT nước ngoài mới, bước đầu đã tạo cơ sở pháp lý cao hơn cho việc đơn giản hóa thủ tục đầu tư và tăng cường pháp chế trong đầu tư, như:

- Thời hạn cấp giấy phép đầu tư và các loại giấy phép khác theo tinh thần rút ngắn thời gian và đơn giản hóa thủ tục, cụ thể trước đây là 90 ngày nay rút xuống còn 60 ngày phải trả lời việc cấp phép đầu tư [30, Điều 60]; thời gian để các Bộ và các địa phương giải quyết các thủ tục liên quan đến việc triển khai dự án trong vòng 30 ngày[30, Điều 62]...

- Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với việc giải quyết chậm trễ các thủ tục, gây phiền hà của cơ quan Nhà nước, tổ chức và công chức, viên chức nhà nước[30, Điều 64] của nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, quy định về biện pháp chế tài đối với nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, tổ chức, cá nhân, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài [30, Điều 63].

Trong khi đó Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ban hành năm 1994, được sửa đổi bổ sung năm 1998 chưa có mục riêng quy định về thủ tục đầu tư hay thủ tục đăng ký đầu tư.

1.2.2. Giai đoạn từ năm 2005 đến trước năm 2014

Năm 2005, Quốc hội đã ban hành LĐT và có hiệu lực từ 1/7/2006, LĐT năm 2005 thay thế LĐT nước ngoài và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước. Tiếp đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của LĐT (Nghị định 108).

LĐT năm 2005 đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, môi trường pháp lý, tạo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật về đầu tư, tạo “một sân chơi” bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư; đơn giản hóa thủ tục đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động đầu tư.

Đặc biệt LĐT năm 2005 đã quy định chi tiết về việc phân loại các dự án đầu tư và tương ứng với đó là những thủ tục đăng ký đầu tư cụ thể trong từng trường hợp. Cụ thể:

- Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước [32, Điều 45];
- Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài [32, Điều 46];
- Thẩm tra dự án đầu tư [32, Điều 47];
- Thủ tục thẩm tra đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ ba trăm tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện [32, Điều 48];
- Thủ tục thẩm tra đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện [32, Điều 49];

- Thủ tục đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế [32, Điều 50];

Như vậy, chế định pháp luật về đăng ký đầu tư đã được hình thành phát triển và hoàn thiện qua từng giai đoạn lịch sử của đất nước, từng bước đáp ứng những yêu cầu cấp bách của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Cho đến nay những quy định về lĩnh vực này cơ bản đã góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư ngày một sôi động hơn nhờ cơ chế điều chỉnh khá rõ ràng, minh bạch và đơn giản hóa những vấn đề đảm bảo được sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan Nhà nước.

1.3. Nội dung của pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014

Sau 9 năm triển khai thi hành, LĐT năm 2005 đã bộc lộ rất nhiều hạn chế, đặc biệt ở khâu xin và cấp phép đầu tư. Chính phủ đã chỉ đạo ráo riết và thu được một số kết quả nhất định trong việc cải thiện môi trường đầu tư, nhất là cải cách thủ tục hành chính, nhưng so với nhiều nước ASEAN, thì hệ thống luật pháp và thủ tục hành chính của nước ta vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của các nhà đầu tư lớn.

Trong bối cảnh đó, LĐT năm 2014 được Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, chính thức có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2015.

Luật bao gồm 7 Chương, 76 Điều như sau:

- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 8);
- Chương II: Bảo đảm đầu tư (từ Điều 9 đến Điều 14);
- Chương III: Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (từ Điều 15 đến Điều 21);
- Chương IV: Hoạt động đầu tư tại Việt Nam (từ Điều 22 đến Điều 50);
- Chương V: Hoạt động đầu tư ra nước ngoài (từ Điều 51 đến Điều 66);
- Chương VI: Quản lý nhà nước về đầu tư (từ Điều 67 đến Điều 72);
- Chương VII: Tổ chức thực hiện (từ Điều 73 đến Điều 76).

Chế định về đăng ký đầu tư được quy định rải rác từ Điều 1 đến Điều 50 của LĐT năm 2014. Với yêu cầu cần đáp ứng là phải xử lý toàn bộ các khiếm khuyết còn tồn đọng về pháp luật về đăng ký đầu tư hiện hành, cải tiến thủ tục

hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới mở cửa thị trường và tiến hành hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới.

1.3.1. Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Trước khi dự án chính thức đi vào hoạt động thì thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư luôn là nội dung đầu tiên có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Tại Điều 3 LĐT năm 2014 quy định: “*Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là văn bản, bản điện tử ghi nhận thông tin đăng ký của nhà đầu tư về dự án đầu tư*” [35, Điều 3].

Trước khi nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư kê khai trực tuyến các thông tin về dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kê khai hồ sơ trực tuyến, nhà đầu tư nộp hồ sơ cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư [8, Điều 23] .

+ *Đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư:*

Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư(i); Đối với dự án đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại (i) trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ [8, Điều 29].

+ *Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư:*

* *Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:*

- Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi dự kiến thực hiện dự án đầu tư;

- Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

-Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư

-Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh, cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận cho nhà đầu tư.

-Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận cho nhà đầu tư trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ mà không phải trình UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư[8, Điều 30]:

Đối với dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất, dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến thẩm định theo các nội dung sau:

“Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất(đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài(đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài); ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư(đối với dự án thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư); công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).”

+ *Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ*

* Nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi dự kiến thực hiện dự án đầu tư.

* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến dự án đầu tư để lấy ý kiến về các nội dung như đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh;

*Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đầu tư, các cơ quan có liên quan có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi cơ quan đăng ký đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

*Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư trình UBND cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm những nội dung sau:

“Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất); Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) đối với dự án đầu tư đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; các nội dung khác thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (nếu có).”

*Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung như đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

*Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp tỉnh và cơ quan đăng ký đầu tư;

* Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư [8, Điều 31].

* Đối với những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo LĐT có quy mô vốn đầu tư từ 5000 tỷ đồng trở lên phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định sau:

Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cơ quan đăng ký đầu tư, UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư; Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất, Ban quản lý khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc, trong thời hạn ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất, Ban quản lý khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc cấp GCNĐKĐT cho nhà đầu tư.

* Trong thời hạn 52 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện việc cấp GCNĐKĐT cho nhà đầu tư.

Nội dung đăng ký đầu tư bao gồm:

- Tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
- Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện dự án đầu tư;
- Vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án;
- Nhu cầu sử dụng đất và cam kết về bảo vệ môi trường;
- Kiến nghị ưu đãi đầu tư (nếu có).

1.3.2. Về giải trình năng lực tài chính của nhà đầu tư

Để được cấp phép, nhà đầu tư phải chứng minh được năng lực tài chính của mình, ít nhất là đủ để thực hiện dự án. Chứng minh năng lực tài chính được thực hiện thông qua việc nhà đầu tư nộp các báo cáo tài chính (thông thường là trong hai năm gần nhất) với thời điểm đầu tư. Báo cáo tài chính phải cho kết quả kinh doanh tốt với lượng vốn sẵn có để thực hiện hoạt động đầu tư. Nhà đầu tư cũng có thể chứng minh năng lực tài chính của mình bằng việc cung cấp các văn bản xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng hay văn bản cấp vốn của một ngân hàng hay một định chế tài chính cam kết hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án [35, Điều 33].

Báo cáo năng lực tài chính, theo quy định của pháp luật về đầu tư do nhà đầu tư lập, tự khai và tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của báo cáo [8, Điều 6]. Nội dung báo cáo phải thể hiện rõ nguồn vốn đầu tư mà Nhà đầu tư sử dụng để đầu tư và Nhà đầu tư có đủ khả năng tài chính để thực hiện dự án.

Việc kiểm tra tính xác thực của báo cáo năng lực tài chính theo nguyên tắc nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, tuy nhiên khi được yêu cầu, nhà đầu tư có thể chứng minh hoặc có thể thay thế bằng tài liệu tương đương sau:

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp đang hoạt động: báo cáo tài chính đã được kiểm toán hai năm gần nhất, trong đó chú ý doanh thu, giá trị tài sản, lợi nhuận hàng năm. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp mới được thành lập để thực hiện dự án hoặc đối với nhà đầu tư là cá nhân người nước ngoài; khả năng huy động vốn của nhà đầu tư; chứng nhận của ngân hàng về tài khoản của nhà đầu tư (đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân); sự hỗ trợ của công ty mẹ (nếu có); xác định rõ nguồn vốn đầu tư dự kiến, bao gồm: nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn huy động, nguồn vốn vay. Nhà đầu tư chứng minh năng lực tài chính bằng các văn bản, giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh

năng lực tài chính theo quy định của pháp luật (Báo cáo tài chính đã kiểm toán, Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Bản lưu chuyển tiền tệ, Quyết định phê duyệt dự án của nhà đầu tư,...)

1.3.3. Về dự án đầu tư có điều kiện

Dự án đầu tư có điều kiện là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến các hoạt động đầu tư kinh doanh ngành, nghề có điều kiện mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.

Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây: giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, văn bản xác nhận, hình thức văn bản khác(giấy phép), các điều kiện mà nhà đầu tư phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản[8, Điều 9].

Nhà đầu tư được quyền kinh doanh trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 LĐT năm 2014 (267 ngành, nghề) kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp Giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới hình thức văn bản, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Đây là quy định giúp nhà đầu tư tìm hiểu luôn được các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Việt Nam. Mặt khác, quy định như vậy sẽ góp phần đưa ra quy định rõ ràng về lĩnh vực đầu tư có điều kiện tại Việt Nam để

thuận lợi trong quá trình áp dụng và thi hành luật trên thực tế, tạo sức hút đối với nhà đầu tư nước ngoài khi muốn đầu tư vào Việt Nam.

1.3.4. Về nhà đầu tư nước ngoài

Theo Điều 3 LĐT năm 2014 quy định Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam [35, khoản 14 Điều 3]. Nhà đầu tư nước ngoài được xác định theo tiêu chí chính là quốc tịch, cá nhân không có quốc tịch Việt Nam thì đó là nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật nước ngoài doanh nghiệp đó cũng được coi là nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh việc tuân thủ quy định về điều kiện đầu tư đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư nước ngoài còn buộc phải tuân thủ quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài là điều kiện nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng khi thực hiện hoạt động đầu tư trong những ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, nghị định, điều ước quốc tế về đầu tư. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng đối với hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài bao gồm:

- Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế;
- Điều kiện về hình thức đầu tư;
- Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư;
- Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư;
- Điều kiện khác theo quy định tại các luật, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư[8, Điều 10].

Luật chia nhà đầu tư nước ngoài thành ba nhóm: Nhóm một: nhà đầu tư có quốc tịch nước ngoài; Nhóm 2: doanh nghiệp Việt Nam có 51% vốn nước ngoài; và nhóm 3 doanh nghiệp Việt Nam có dưới 51% vốn nước ngoài. Nhóm 1

và nhóm 2 bị áp dụng các điều kiện như nhà đầu tư nước ngoài (từ ngành nghề đầu tư đến thủ tục đầu tư, chính sách đầu tư...). Tuy nhiên, đối với nhóm 3 được áp dụng các thủ tục và điều kiện như doanh nghiệp trong nước.

1.3.5. Về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

LĐT năm 2014 cũng đã phân rõ chế độ áp dụng riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Khoản 17 Điều 3 LĐT năm 2014 quy định: “*Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông*”[35, khoản 17 Điều 3].

Trước khi thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư, thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ theo quy định;
- Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư thông qua tổ chức kinh tế trường trường hợp đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp hoặc đầu tư theo hợp đồng.

Nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu vốn điều lệ không hạn chế trong tổ chức kinh tế trừ trường hợp sau đây:

- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty niêm yết, công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước;

- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài không thuộc quy định tại các trường hợp trên thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên[35, Điều 22].

Tổ chức này được thành lập theo pháp luật Việt Nam (pháp luật doanh nghiệp) nhưng có thành viên hoặc cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Có thể hiểu một cách đơn giản, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là “con lai” giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Và một điều lưu ý rất quan trọng là dựa vào tỷ lệ “lai” (tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài) mà pháp luật điều chỉnh sẽ khác nhau. Cụ thể, theo quy định tại Điều 23 LĐT năm 2014:

“1. Tổ chức kinh tế thực hiện trình tự và thủ tục đầu tư như đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên;

c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên, phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này thực hiện điều kiện và thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã thành lập tại Việt Nam nếu có dự án đầu tư mới thì được làm thủ tục thực hiện dự án đầu tư đó mà không nhất thiết phải thành lập tổ chức kinh tế mới.”[35, Điều 23]

1.3.6. Thủ tục đầu tư đối với một số dự án đặc thù

Theo quy định tại Điều 4 LĐT năm 2014 thì đối với các dự án đặc thù như thăm dò khai thác khoáng sản, giáo dục đào tạo, y tế..., ngoài việc phải thực hiện các quy định của LĐT trong quá trình cấp GCNĐKĐT còn phải tuân thủ các quy định, quy trình riêng biệt, cụ thể. Trường hợp có sự khác nhau giữa LĐT và luật khác về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, trình tự, thủ tục đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật này, trừ trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh theo quy định tại Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng, Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật dầu khí [35, Điều 4].

1.3.7. Về đăng ký đầu tư đối với từng loại dự án

Đối với mỗi dự án đầu tư bên cạnh những điểm chung thì dự án cũng có những khác biệt nhất định. Tại Điều 23 LĐT năm 2014 quy định cụ thể, chi tiết về đăng ký đầu tư đối với từng loại dự án. Cụ thể:

- Dự án của nhà đầu tư nước ngoài;
- Dự án của tổ chức kinh tế khi thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - + Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;
 - + Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a(như trên) nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên;
 - + Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a(như trên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên.

Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Dự án của nhà đầu tư trong nước;
- Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc một trong các trường hợp nêu trên khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức BCC.
- Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế [35, Điều 23, Điều 36].

Thủ tục đăng ký đầu tư phải được hoàn chỉnh trước khi thực hiện dự án đầu tư.

1.3.8. Về thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

LĐTNăm 2014 đã tách riêng quy trình xin cấp quyết định chủ trương đầu tư từ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và UBND cấp tỉnh cho một số dự án tùy theo tính chất, đặc điểm và số vốn đầu tư. Quy trình thẩm tra xin cấp chủ trương đầu tư theo LĐTNăm 2014 cũng được coi là quy trình xem xét cấp GCNĐKĐT của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Với tinh thần này, sau khi hồ sơ của nhà đầu tư được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và UBND cấp tỉnh thông qua bằng quyết định chủ trương đầu tư, thì quy trình xin cấp GCNĐKĐT sau đó được rút ngắn đáng kể (chỉ 5 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký đầu tư nhận được quyết định chủ trương đầu tư) và về nguyên tắc cơ quan đăng ký đầu tư không “duyet” lại hồ sơ xin cấp phép nữa.

a) Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội

Theo Điều 30 LĐTNăm 2014, Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

- Dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm: nhà máy điện hạt nhân, chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên;

- Dự án sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên;

- Dự án di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;

- Dự án có yêu cầu phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định[35, Điều 30].

Để được Quốc hội cấp quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư cần lập hồ sơ nộp cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi thực hiện dự án đầu tư. Hồ sơ bao gồm:

•Các tài liệu, giấy tờ về dự án đầu tư gồm:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Giấy tờ pháp lý của chủ đầu tư (Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy phép thành lập...);

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính, cam kết cho vay...);

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

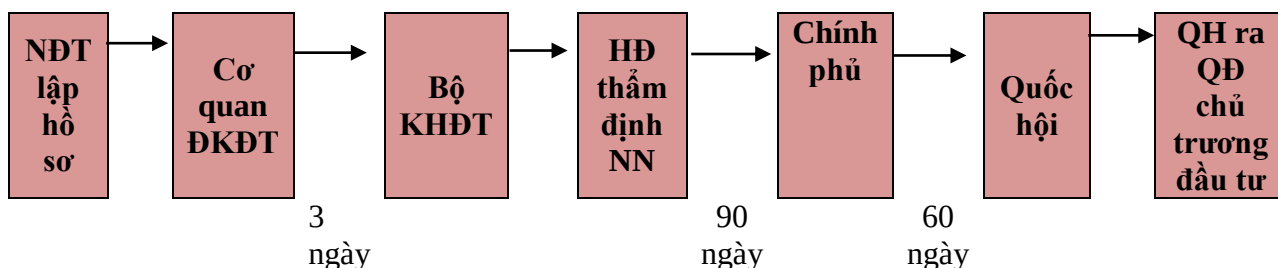
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;

- Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có).

Khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lên Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước. Sau khi xem xét và thẩm định hồ sơ, Hội đồng thẩm định nhà nước lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ. Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội kèm theo tờ trình xin quyết định chủ trương, báo cáo thẩm định và các tài liệu có liên quan. Sau khi thẩm tra một lần nữa, Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư [35, Điều 35].

Như vậy, trong toàn bộ quá trình xin cấp quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư không phải thực hiện quy trình thẩm định riêng rẽ và phải phối hợp với từng cơ quan liên quan để giải trình hồ sơ. Cơ quan đăng ký đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, với tư cách là cơ quan đầu mối giải quyết hồ sơ cấp phép của nhà đầu tư sẽ phải chủ động báo cáo để thành lập các cơ quan thẩm định, xem xét hồ sơ của nhà đầu tư để cấp phép theo đúng quy định.



Sơ đồ minh họa quy trình xin quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (Nguồn Đặc san giới thiệu Luật Đầu tư 2014)

b) Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Theo Điều 31 LĐT năm 2014, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư với các dự án sau đây:

- Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong hai trường hợp:
 - (i) Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác, (ii) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không; (iii) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia, (iv) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí, (v) Hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino, (vi) Sản xuất thuốc lá điếu, (vii) Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế, (viii) Xây dựng và kinh doanh sân gôn;

- Các dự án không hợp trường hợp nêu ở trên nhưng có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỉ đồng trở lên.

- Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài;

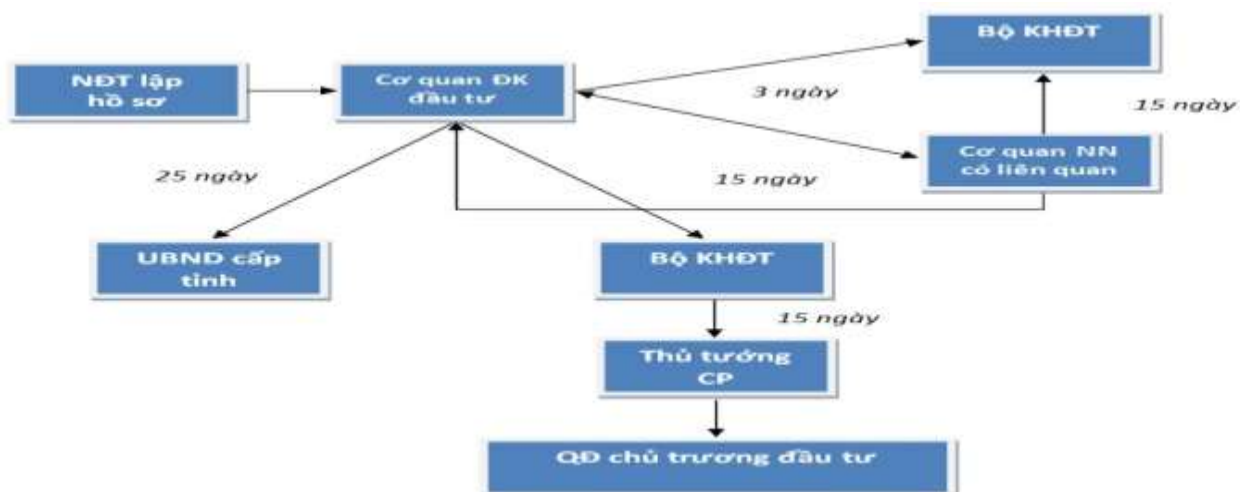
- Dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật [35, Điều 31].

Để được cấp quyết định chủ trương đầu tư từ Thủ tướng Chính phủ, nhà đầu tư phải chuẩn bị hồ sơ để nộp cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi thực hiện dự án. Bộ hồ sơ gồm:

- Các tài liệu, giấy tờ về dự án đầu tư gồm: văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; Giấy tờ pháp lý của chủ đầu tư (Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy phép thành lập...); Đề xuất dự án đầu tư; Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính, cam kết cho vay...); Đề xuất nhu cầu sử dụng đất hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;
- Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

Sau khi nhận được bộ hồ sơ xin quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi cơ quan đăng ký đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư trình UBND cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tiếp đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư [35, Điều 34].

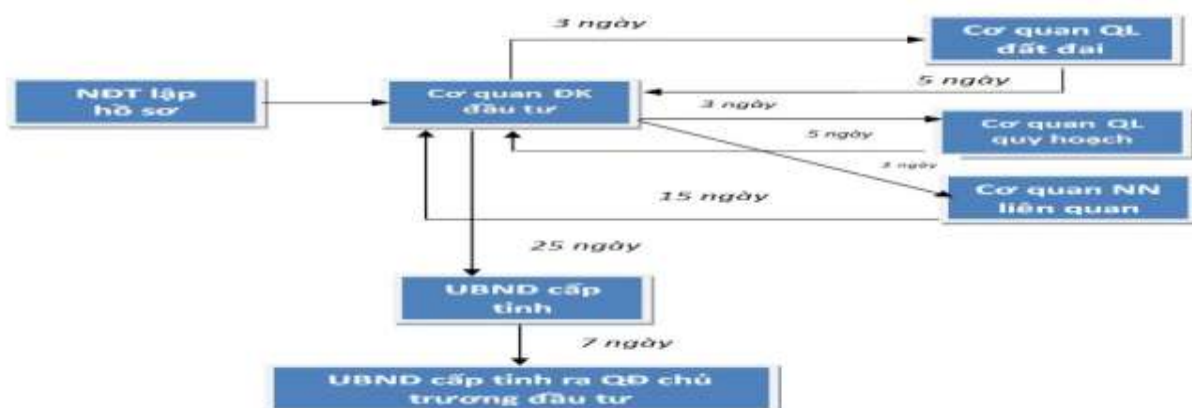


Sơ đồ minh họa quy trình xin cấp quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Đặc san giới thiệu LĐT năm 2014)

c) Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

Theo Điều 32 LĐT năm 2014, UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

- Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất (trừ các dự án thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt);
- Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ[35, Điều 32].



Sơ đồ minh họa quy trình xin cấp quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Nguồn Đặc san giới thiệu LĐT năm 2014)

Đăng ký đầu tư là công cụ để quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư. Tuy nhiên, mục đích của việc đăng ký đầu tư, và cấp GCNĐKĐT chưa được xác định một cách rõ ràng và thống nhất ở trong nội dung văn bản cũng như trong thực tế.

Thủ tục về đăng ký đầu tư được áp dụng đối với hầu hết dự án có yếu tố nước ngoài hoạt động đầu tư. Nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo từng dự án đầu tư. Để triển khai có hiệu quả hoạt động đầu tư nhà đầu tư có thể sẽ phải thực hiện hàng loạt các thủ tục có liên quan: đăng ký kinh doanh, đất đai, xây dựng, môi trường... Nhằm mục đích khắc phục sự trùng lặp lớn trong việc thực hiện các thủ tục liên quan giữa LĐT và thủ tục về đất đai, môi trường... Điều 4 LĐT năm 2014 quy định rõ: *“trường hợp có sự quy định khác nhau giữa Luật này và luật khác về... trình tự, thủ tục đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật này trừ trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh theo quy định tại Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng, Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật dầu khí”*[35, Điều 4]. Như vậy, Luật đã thống nhất nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có sự quy định khác nhau về trình tự, thủ tục đầu tư.

LĐT năm 2014 đã cho phép nhà đầu tư lập hồ sơ từ ngay khi xin cấp quyết định chủ trương từ UBND cấp tỉnh và ngay khi hồ sơ được “duyet” việc cấp GCNĐKĐT sau đó coi như đã hoàn tất và nhà đầu tư không phải thực hiện thêm bất kỳ thủ tục nào nữa để được cấp GCNĐKĐT. Để được UBND cấp tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải chuẩn bị bộ hồ sơ xin ra quyết định gồm các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;
- Giấy tờ pháp lý của chủ đầu tư (Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy phép thành lập...);
- Đề xuất dự án đầu tư;

- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính, cam kết cho vay...);

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

Nhà đầu tư nộp bộ hồ sơ kể trên cho cơ quan đăng ký đầu tư và trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư phải thông báo kết quả cho nhà đầu tư. Sau khi tổng hợp ý kiến từ cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do[35, Điều 33].

Kết luận chương 1

Chế độ pháp luật về đăng ký đầu tư đã có sự tiến bộ qua từng thời kỳ lịch sử phát triển đất nước, thể hiện rõ chủ trương của Đảng, Nhà nước về cải cách, đổi mới và quyết tâm xây dựng nền kinh tế Việt Nam vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, cần thống nhất cách hiểu về đăng ký đầu tư theo pháp luật đầu tư, trên cơ sở đưa ra được định nghĩa, đặc điểm và ý nghĩa của đăng ký đầu tư theo pháp luật đầu tư.

Cho đến thời điểm ban hành LĐT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, về cơ bản Nhà nước ta đã thống nhất và phân định được những nội dung quy định rành mạch về thủ tục đầu tư nước ngoài. Những nội dung của pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 bao gồm các quy định sau: Về thủ tục cấp GCNĐKĐT, về giải trình năng lực tài chính của nhà đầu tư, về dự án đầu tư có điều kiện, về nhà đầu tư nước ngoài về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; thủ tục đầu tư đối với một số dự án đặc thù; về đăng ký đầu tư đối với từng loại dự án; về thủ tục quyết định chủ trương đầu tư. Do vậy, cần phải nắm vững những nội dung của pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 để có thể áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội một cách chính xác và hiệu quả.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2014

2.1. Tình hình kinh tế-xã hội và đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Cùng với sự nghiệp đổi mới về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đất nước ta đã có những bước phát triển nhanh, mạnh mẽ, rõ rệt, thu được nhiều thành tựu đáng kể. Thành phố Hà Nội là trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước cũng đang trên đà phát triển và đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Trong đó, hoạt động đăng ký đầu tư là một trong những nhiệm vụ quan trọng, là tiền đề và động lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở thành phố Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung. Trên cơ sở Báo cáo thống kê tình hình kinh tế - xã hội của Cục thống kê thành phố Hà Nội, báo cáo tình hình thu hút đầu tư nước ngoài của Cục Đầu tư nước ngoài từ năm 2012 đến 30 tháng 06 năm 2016, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về tình hình phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội thời gian qua như sau:

Một là, trong những năm qua, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội đã có những chuyển biến tích cực và đạt được những thành tựu đáng kể trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

+ Về tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội– GRDP: Năm 2012 tăng 8,1% [18]; năm 2013 tăng 8,25% [19]; năm 2014 tăng 8,8% [20]; năm 2015 tăng 9,24% [21] và 6 tháng đầu năm 2016 tăng 7,3% [22]. Như vậy, mức tăng trưởng bình quân GRDP của thành phố Hà Nội tăng dần theo từng năm.

+ Bên cạnh đó, các lĩnh vực khác như: vốn đầu tư phát triển trên địa bàn, tổng mức bán hàng hóa và doanh thu tiêu dùng dịch vụ xã hội, kim ngạch xuất khẩu cũng đều trong trạng thái tăng năm sau hơn năm trước.

Qua đó chứng tỏ rằng tình hình kinh tế của thành phố Hà Nội đang trong xu thế tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định bền vững.

***Hai là,** trong thời gian qua, tình hình đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội có xu hướng gia tăng, đặc biệt từ khi LĐT năm 2014 được ban hành, thể hiện như sau:*

+ *Về số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới:* Năm 2012 có 14.000 doanh nghiệp [18], năm 2013 có 14.460 doanh nghiệp [19], năm 2014 có 14.950 doanh nghiệp (tăng 1,47% so với năm 2013) [20], năm 2015 có 18.340 doanh nghiệp (tăng 33,7% so với năm 2014) [21], 6 tháng đầu năm 2016 có 10.832 doanh nghiệp (tăng 24% so cùng kỳ) [22]. Như vậy, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng lên một cách đáng kể, đặc biệt là số vốn của doanh nghiệp cũng trong xu thế tăng năm sau cao hơn năm trước.

+ *Về đầu tư trực tiếp nước ngoài:* Tổng số dự án và vốn cấp mới và điều chỉnh tăng năm 2012 là 287 (dự án) và 1111 (triệu USD) [11], năm 2013 là 359 (dự án) và 1073 (triệu USD) [12], năm 2014 là 445 (dự án) và 1137 (triệu USD) [15], năm 2015 là 425 (dự án) và 1260 (triệu USD) [16] và 6 tháng đầu năm 2016 là 213 (dự án) và 2348 (triệu USD) [17]. Như vậy, tổng số dự án và tổng số vốn cấp mới và điều chỉnh tăng của các năm từ 2012 đến 6 tháng đầu năm 2016 đã tăng lên một cách đáng kể, riêng 6 tháng đầu năm 2016 số vốn đăng ký đầu tư đã tăng gần gấp đôi so với cả năm 2015. Đặc biệt, từ khi LĐT năm 2014 có hiệu lực thì nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào thành phố Hà Nội đã tăng lên một cách nhanh chóng, nhiều dự án lớn ở nước ngoài đã đầu tư tại thành phố Hà Nội: Dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển Samsung (300 triệu USD); Dự án ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Public Việt Nam (134 triệu USD)...Điều đó thể hiện quyết tâm của thành phố Hà Nội trong việc xúc tiến đầu tư, thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển, bình ổn giá, dịch vụ đô thị, tăng thu ngân sách, thu hút khách du lịch, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội, an toàn giao thông [41].

Ba là, bên cạnh những thành tựu đã đạt được về phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động đăng ký đầu tư thì thành phố Hà Nội vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như:

+ Doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thị trường bất động sản chưa hồi phục, nguồn lực cho đầu tư phát triển còn hạn chế;

+ Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, trang thiết bị giảm làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh và xuất khẩu; lạm phát tuy được kiềm chế nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ quay trở lại; tiến độ thu ngân sách nhà nước đạt kết quả thấp hơn dự toán;

+ Giá cả nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng, lạm phát, lãi suất ngân hàng ở mức cao; sản xuất kinh doanh đình trệ, tình hình thời tiết có nhiều bất lợi đến sản xuất nông nghiệp; kinh tế thế giới có nhiều biến động;

+ Số doanh nghiệp ngừng hoạt động vẫn chiếm tỷ lệ cao, như năm 2014 có 10.268 doanh nghiệp ngừng hoạt động, tăng 1,88% so với cùng kỳ năm 2013 (trong đó giải thể 646 doanh nghiệp, bỏ kinh doanh 6.911 doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh 2.711 doanh nghiệp). Đến năm 2015 có 14.102 doanh nghiệp ngừng hoạt động (tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó, 927 doanh nghiệp giải thể, 10.115 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, 3.060 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh). Điều đó cho thấy tình trạng khai tử doanh nghiệp (giải thể doanh nghiệp) vẫn là mối đe dọa lớn đối với nền kinh tế [41].

2.2. Thực trạng pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014

2.2.1. Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Tại Điều 37 LĐT năm 2014 quy định về thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, theo đó luật đã đơn giản hoá hồ sơ, trình tự, thủ tục và rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài với thời hạn tối đa 15 ngày thay cho 45 ngày như trước đây.

Nếu hiểu theo quy định của LĐT năm 2014 thì thủ tục đăng ký cấp GCNĐKĐT là thủ tục đầu tiên để triển khai các thủ tục tiếp sau, tuy

nhien theo quy định tại các Điều 33, 34, 35 LĐT năm 2014 và Điều 29, 30, 31 Nghị định 118 thì hồ sơ của dự án yêu cầu những nội dung hoàn toàn thuộc quyền chủ động của nhà đầu tư: Văn bản đăng ký đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo giải trình năng lực tài chính của nhà đầu tư, hồ sơ tư cách pháp lý, hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh...

Trên thực tế triển khai, để được cấp GCNĐKĐT, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư yêu cầu nhà đầu tư phải bổ sung các thủ tục khác như: quy hoạch tiết xây dựng, đánh giá tác động môi trường, thiết kế cơ sở... hoặc phải giải trình những điều kiện cần đáp ứng bằng văn bản cụ thể. Như vậy, rõ ràng thủ tục đăng ký cấp GCNĐKĐT không phải là thủ tục đầu tiên, làm cơ sở tiến hành thủ tục khác.

Một thủ tục hành chính được coi là đầy đủ khi quy định rõ: mục đích, đối tượng áp dụng, phạm vi áp dụng, hồ sơ, tiêu chí giải quyết, cơ quan có thẩm quyền giải quyết, trình tự thủ tục và kết quả. Tuy nhiên, LĐT năm 2014 và Nghị định 118 đã không quy định cụ thể tiêu chí cơ sở để cấp hoặc từ chối cấp GCNĐKĐT. Mặc dù LĐT năm 2014 đã quy định nội dung lập báo cáo thẩm tra dự án đầu tư nhưng mới chỉ dừng lại ở việc quy định các nội dung mà cơ quan nhà nước sẽ xem xét khi tiến hành thẩm tra chứ không phải là tiêu chí để căn cứ vào đó cơ quan nhà nước liên quan quyết định là có cấp hoặc từ chối cấp GCNĐKĐT.

2.2.2. Về giải trình năng lực tài chính của nhà đầu tư

LĐT năm 2014 và Nghị định 118 không hướng dẫn giải trình năng lực tài chính của nhà đầu tư phải dựa trên các tiêu chí cụ thể, mà theo quy định tại Điều 6 Nghị định 118: *“nhà đầu tư phải tự trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đăng ký đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền”* [8, Điều 6], do đó cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư rất khó có cơ sở để thẩm tra năng lực tài chính của chủ đầu tư.

Về cam kết cho vay của tổ chức tín dụng, các tổ chức tín dụng chỉ cho vay khi doanh nghiệp bảo đảm được các điều kiện cho vay của tổ chức tín dụng đó. Cam kết cho vay của tổ chức tín dụng cũng chỉ mang tính hình

thức. Các tổ chức tín dụng chỉ cho vay khi doanh nghiệp đảm bảo được các điều kiện cho vay của tổ chức tín dụng đó. Một dự án triển khai nhanh hay chậm phụ thuộc rất nhiều vào năng lực tài chính của nhà đầu tư. Đồng thời, hiệu quả sử dụng đất và hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của dự án mang lại cho nhà đầu tư và thành phố Hà Nội cũng phụ thuộc vào năng lực tài chính của nhà đầu tư. Tuy nhiên, để lựa chọn, xác định được nhà đầu tư có năng lực tài chính thực sự là việc không dễ dàng, chủ yếu dựa vào danh tiếng, uy tín của nhà đầu tư trên thị trường. Nhưng đối với nhà đầu tư nước ngoài rất khó để nhận biết năng lực tài chính của họ.

Do đó, việc quy định lấy vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính làm căn cứ xác định năng lực tài chính của nhà đầu tư là chưa chính xác.

2.2.3. Về dự án đầu tư có điều kiện

Với mục đích tạo lập cơ sở pháp lý minh bạch bảo đảm thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân trong các ngành mà pháp luật không cấm. Điều 6 LĐT năm 2014 đã chỉ rõ giới hạn của các ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh, theo đó, có 06 ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh gồm: kinh doanh ma túy; kinh doanh hóa chất, khoáng vật cấm; kinh doanh động, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc từ tự nhiên; kinh doanh mại dâm; mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người và các hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người [35, Điều 6].

Quy định này có thể coi là một bước tiến quan trọng trong tư duy để thể chế hóa Điều 33 Hiến pháp năm 2013: “*Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*” [33, Điều 33].

Điều 7 LĐT năm 2014, và phụ lục 4 đã liệt kê 267 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Quy định này giúp nhà đầu tư dễ dàng tìm hiểu các ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Việt Nam thay vì phải tham khảo nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhau như trước. Do vậy, nhà đầu tư hoàn toàn chủ động trong việc lựa chọn ngành nghề đầu tư kinh doanh.

2.2.4. Về nhà đầu tư nước ngoài

Nhà đầu tư nước ngoài hiện nay được xác định theo tiêu chí chính là quốc tịch. Có quan điểm khác lại xác định nhà đầu tư nước ngoài theo vốn, tức là, chỉ cần doanh nghiệp tại Việt Nam có vốn đầu tư từ nước ngoài thì doanh nghiệp đó cũng bị xem là nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, LĐT năm 2014 lựa chọn phương án trung dung giữa tiêu chí quốc tịch và tiêu chí vốn.

Trên thực tế, LĐT năm 2014 chia nhà đầu tư nước ngoài thành ba nhóm: (i) nhà đầu tư có quốc tịch nước ngoài; (ii) doanh nghiệp Việt Nam có 51% vốn nước ngoài; và (iii) doanh nghiệp Việt Nam có dưới 51% vốn nước ngoài. Nhóm (i) và (ii) bị áp dụng các điều kiện như nhà đầu tư nước ngoài (từ ngành nghề đầu tư đến thủ tục đầu tư...) còn nhóm (iii) được áp dụng các thủ tục và điều kiện như doanh nghiệp trong nước. Sẽ khó chấp nhận sự phân biệt ấy khi một doanh nghiệp có 51% vốn nước ngoài và một doanh nghiệp có 50,9% vốn nước ngoài lại áp dụng hai thủ tục đầu tư khác nhau.

2.2.5. Về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Theo quy định tại Điều 23 LĐT năm 2014 thu hẹp phạm vi cấp GCNĐKĐT đối với nhà đầu tư nước ngoài đồng thời tách bạch hai thủ tục đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp khi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam. Nhà đầu tư sau khi được cấp GCNĐKĐT nếu muốn thành lập doanh nghiệp sẽ phải đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp điều chỉnh. Sau khi hoàn tất thủ tục đầu tư và đăng ký doanh nghiệp, nhà đầu tư mới có thể thực hiện hoạt động đầu tư. Đối với những tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc diện điều chỉnh của Điều 23 LĐT năm 2014 không phải thực hiện các thủ tục cấp GCNĐKĐT mà chỉ cần thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh để đưa doanh nghiệp vào hoạt động.

2.2.6. Về thủ tục đầu tư đối với dự án đặc thù

Đối với các dự án thuộc lĩnh vực mà pháp luật có quy định đặc thù về điều kiện kinh doanh, ngành nghề kinh doanh như: xây dựng, khoáng sản... Tại các luật chuyên ngành đều có quy định cụ thể, chặt chẽ. Tuy nhiên, các

yếu tố về: năng lực quản lý, năng lực thực thi ... của đội ngũ công chức, viên chức, sự quản lý tương đồng giữa các ngành mà còn có sự không trùng khớp về điều kiện kinh doanh, điều kiện ngành nghề dẫn đến những khó khăn, lúng túng cho nhà đầu tư trong quá thực hiện hoạt động đăng ký cấp GCNĐKĐT.

2.2.7. Về đăng ký đầu tư đối với từng loại dự án

Điểm mới đáng ghi nhận đối với LĐT năm 2014 là tại Điều 23 LĐT năm 2014 đã bỏ quy định về đăng ký cấp GCNĐKĐT đối với nhà đầu tư trong nước, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện LĐT năm 2005 như trước đây. Tuy nhiên, Luật cũng có quy định nội dung quy phạm tùy nghi, nếu có nhu cầu, nhà đầu tư trong nước có yêu cầu cấp GCNĐKĐT [35, Điều 36].

2.2.8. Về thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố Hà Nội đối với các dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được đơn giản hóa thủ tục hành chính. Theo đó, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư được thực hiện đồng thời với việc xem xét thẩm tra nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Việc áp dụng đồng thời các thủ tục nêu trên sẽ giúp cắt giảm đáng kể thời gian thực hiện thủ tục hành chính do nhà đầu tư không phải tiến hành lần lượt từng thủ tục liên quan đến việc sử dụng đất như quy định hiện hành.

2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Trên cơ sở các quy định của LĐT và các văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký đầu tư, UBND thành phố Hà Nội đã có những văn bản cụ thể hóa chỉ đạo của các Sở, Ban, Ngành và chính quyền địa phương các huyện và thành phố tích cực nghiên cứu cơ chế, chính sách, tham mưu cách thức tổ chức thực hiện. Các đơn vị cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo để thống nhất những nội dung cơ bản nhằm thông tin rộng rãi cho nhà đầu tư dễ dàng nắm bắt các quy trình, thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư trên địa bàn.

STT	Dự án cấp mới				Dự án tăng vốn				Tổng số dự án cấp mới và điều chỉnh tăng	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
	Số dự án cấp mới	Tỷ lệ % vốn so với tổng số	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Tỷ lệ % vốn so với tổng số	Số lượt dự án tăng vốn	Tỷ lệ % vốn so với tổng số	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Tỷ lệ % vốn so với tổng số		
2012	213	74%	720	64%	74	26%	391	36%	287	1111
2013	261	72%	540	50%	98	28%	533	50%	359	1073
6 tháng đầu 2014	98	81%	60	29%	23	19%	145	71%	121	205
6 tháng cuối 2014	250	77%	285	31%	74	23%	647	69%	324	932
2014	348	78%	345	30%	97	22%	792	70%	445	1137
6 tháng đầu 2015	159	85%	93	46%	28	15%	109	54%	187	202
6 tháng cuối 2015	197	83%	793	75%	41	17%	265	25%	238	1058
2015	356	83%	886	70%	69	17%	374	30%	425	1260
6 tháng năm 2016	164	76%	2233	95%	49	24%	115	5%	213	2348

(Bảng 2.2. Số liệu về cấp GCNĐKĐT tại thành phố Hà Nội trong thời gian từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2016)

2.3.1. Tình hình áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư trước Luật đầu tư năm 2014

Trên cơ sở các quy định của LĐT năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành về đăng ký đầu tư, UBND thành phố Hà Nội đã có những văn bản cụ thể hóa chỉ đạo của các Sở, Ban, Ngành và chính quyền địa phương các huyện và thành phố tích cực nghiên cứu cơ chế, chính sách, tham mưu cách thức tổ chức thực hiện. Các đơn vị cũng đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo để thống nhất những nội dung cơ bản nhằm thông tin rộng rãi cho nhà đầu tư dễ dàng nắm bắt các quy trình, thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư trên địa bàn.

Các quy trình, thủ tục hồ sơ, thời hạn giải quyết... cơ bản đã làm rõ được những nội dung mà nhà đầu tư phải quan tâm khi có ý tưởng đầu tư tại thành phố Hà Nội. Đồng thời, điều đó đã thể hiện sự cố gắng của các cơ quan, ban ngành liên quan. Trong thời gian từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2015 thành phố Hà Nội đã kêu gọi, thu hút và cấp GCNĐKĐT nhiều dự án quan trọng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế xã hội ngày một phát triển.

Bên cạnh việc quy định cấp GCNĐKĐT cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại Việt Nam (cụ thể đây là thành phố Hà Nội), LĐT năm 2005 còn quy định thực hiện đăng ký cấp GCNĐKĐT cho các dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn trên 15 tỷ đồng Việt Nam và dự án có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện;

Trên cơ sở quy định của pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2005 và theo Bảng 2.2 số liệu về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội, Báo cáo tổng kết thi hành LĐT năm 2005, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2005 tại thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2015, cụ thể như sau:

Một là, theo Bảng 2.2 cho thấy số lượng dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư tăng lên theo các năm, nhưng tổng số vốn đăng ký đầu tư lại giảm: Năm 2012 là 213 (dự án) chiếm 74 % và 720 (triệu USD) chiếm 64% [11], năm 2013

là 261 dự án chiếm 72% và 540 triệu USD chiếm 50%[12], năm 2014 là 348 dự án chiếm 78% và 345 triệu USD chiếm 30%[15], 6 tháng đầu năm 2015 là 159 (dự án) chiếm 85% và 93 triệu USD chiếm 45%[14]. Trong khi đó, số lượng dự án tăng vốn và số vốn đăng ký tăng thêm lại tăng lên khá mạnh, cụ thể: Năm 2012 là 74 (dự án) chiếm 26% và 391 (triệu USD) chiếm 36%[11], năm 2013 là 98 (dự án) chiếm 28% và 533 (triệu USD) chiếm 50%[12], năm 2014 là 97 (dự án) chiếm 22% và 792 (triệu USD) chiếm 70%[15], 6 tháng đầu năm 2015 là 28 (dự án) chiếm 15% và 109 triệu USD chiếm 54%[14]. Như vậy, trong giai đoạn này, số vốn đăng ký đầu tư mới có xu hướng giảm còn số vốn đăng ký tăng thêm có xu hướng tăng lên.

-**Hai là**, LĐT năm 2005 lần đầu tiên thực hiện nguyên tắc nhà đầu tư được thực hiện hoạt động đầu tư trong tất cả các lĩnh vực và ngành nghề mà pháp luật không cấm; được tự chủ quyết định lĩnh vực đầu tư, hình thức đầu tư, phương thức huy động vốn, địa bàn, quy mô vốn đầu tư, đối tác đầu tư và thời hạn hoạt động của dự án... Sau khi LĐT năm 2005 có hiệu lực và Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) bước vào một giai đoạn mới, với quy mô vốn đăng ký liên tục lập mức kỷ lục (năm 2006 đạt 12 tỷ USD, năm 2007 đạt 21 tỷ USD và đỉnh cao mới được thiết lập năm 2008 với 71,7 tỷ USD đăng ký). Từ năm 2009, dòng ĐTNN đăng ký biến động theo chiều hướng giảm do tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu (năm 2009 đạt 23,1 tỷ USD, năm 2010 đạt 19,89 tỷ USD và năm 2011 đạt 15,62 tỷ USD). Từ năm 2012 dòng vốn đăng ký lại có xu hướng tăng lên (năm 2012 đạt 16,347 tỷ USD và sơ bộ năm 2013 đạt 21,63 tỷ USD) [4].

- **Ba là**, LĐT năm 2005 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư theo hướng áp dụng phổ biến chế độ đăng ký thay cho chế độ cấp phép. Cụ thể, Luật đã áp dụng thủ tục đăng ký đầu tư đơn giản đối với nhiều dự án, đồng thời thực hiện thống nhất thủ tục thẩm tra

cho cả dự án đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ VND trở lên và/hoặc dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Những quy định về thủ tục triển khai thực hiện dự án đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng được đơn giản hóa theo hướng bãi bỏ nhiều thủ tục mang tính phê duyệt đã được quy định trước đây (như thủ tục tăng vốn, chuyển nhượng vốn, điều chỉnh dự án...).

- Bốn là, về khái niệm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Theo khoản 6 Điều 3 LĐT năm 2005 chưa quy định rõ khái niệm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thực tế cho thấy, bất kỳ một doanh nghiệp nào có vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, kể cả doanh nghiệp Việt Nam bán 1-2% cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, cũng có thể được coi là doanh nghiệp ĐTNN và phải tuân thủ điều kiện, thủ tục đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Dẫn đến nhiều khó khăn, lúng túng trong việc xác định điều kiện, thủ tục đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Năm là, về lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Theo Điều 29 LĐT năm 2005 quy định về lĩnh vực đầu tư có điều kiện, tuy nhiên, LĐT năm 2005 và Nghị định 108 không quy định cụ thể mục đích, căn cứ pháp lý cũng như hình thức áp dụng các điều kiện đầu tư mà chỉ đơn giản dẫn chiếu áp dụng những điều kiện này theo các luật chuyên ngành và /hoặc cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điều này gây khó khăn cho việc áp dụng và thực hiện pháp luật một cách chính xác, đầy đủ.

- Sáu là, về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư

Căn cứ vào hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện đăng ký, thẩm định dự án đầu tư theo quy định của LĐT năm 2005 và Nghị định số 108, thì GCNĐKĐT là văn bản chứng nhận việc nhà đầu tư đăng ký dự án của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trên thực tế, việc đăng ký hay chấp

thuận đầu tư chỉ là một thủ tục, một bộ phận trong toàn bộ quy trình thủ tục hành chính đối với dự án đầu tư xây dựng, gắn liền với các thủ tục hành chính khác, nhất là thủ tục về đất đai, xây dựng và môi trường.

Việc áp dụng đồng thời GCNĐKĐT và GCNĐKKD làm phức tạp thủ tục cho cả nhà đầu tư lẫn cơ quan quản lý nhà nước: Với quy định này, Cơ quan quản lý đầu tư phải thực hiện chức năng như một cơ quan đăng ký kinh doanh trong khi không có nghiệp vụ và mạng lưới kết nối về vấn đề này. Ví dụ, trường hợp nhà đầu tư chậm triển khai dự án đầu tư dẫn đến phải thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, nhưng do GCNĐKĐT đồng thời là GCNĐKKD nên doanh nghiệp phải giải thể bắt buộc nếu thu hồi giấy này; trong khi đó, vi phạm của nhà đầu tư không thuộc diện phải giải thể doanh nghiệp.

- **Bảy là**, nội dung thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư

Theo khoản 2 Điều 48 LĐT năm 2005, nội dung thẩm tra bao gồm: quy hoạch kết cấu hạ tầng – kỹ thuật, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác; nhu cầu sử dụng đất; tiến độ thực hiện dự án và giải pháp về môi trường. Thực tế cho thấy, 04 nội dung này chỉ phù hợp với các dự án có sử dụng đất đai, tài nguyên, không phù hợp với các dự án thương mại, dịch vụ.

- **Tám là**, về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đầu tư tại Việt Nam

Theo quy định tại Điều 50 LĐT năm 2005 và khoản 4 Điều 2 Nghị định 108 chưa quy định rõ khái niệm “ nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đầu tư tại Việt Nam”[32, Điều 50].

2.3.2. Tình hình áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014

Sau khi LĐT năm 2014 được ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015. Theo đó, xuất phát từ thực tiễn áp dụng LĐT năm 2005 cho thấy việc đăng ký đầu tư của các nhà đầu tư trong nước là không cần thiết, là một

thủ tục hành chính rườm rà, gây cản trở hoạt động doanh nghiệp. LĐT năm 2014 đã sửa đổi nội dung quan trọng đó là bỏ quy định đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước. Như vậy, đăng ký cấp GCNĐKĐT đầu tư chỉ áp dụng đối với các dự án của nhà đầu tư nước ngoài tại thành phố Hà Nội. Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/06/2016 thành phố Hà Nội tiếp tục có bước đột phá, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thu hút (FDI), đặc biệt đã thu hút số vốn đầu tư rất lớn trong thời gian ngắn với nhiều dự án quan trọng, mang tầm chiến lược của Thủ đô và cả nước góp phần thúc đẩy hơn phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở quy định về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 và theo Bảng 2.2 số liệu về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về thực tiễn áp dụng đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/06/2016, cụ thể như sau:

Một là, số dự án đăng ký cấp mới có xu hướng giảm, cụ thể: 6 tháng cuối năm 2015 là 197 dự án chiếm 83% [16] và 6 tháng đầu năm 2016 là 164 dự án chiếm 76% [17]. Ngược lại, số vốn đăng ký mới lại tăng rất mạnh, cụ thể: 6 tháng cuối năm 2015 là 793 triệu USD chiếm 75% [16] trong khi đến 6 tháng đầu năm 2016 là 2233 triệu USD chiếm 95% [17]. Như vậy, 6 tháng đầu năm 2016, số vốn đăng ký mới tại thành phố Hà Nội đã tăng gấp khoảng 2.8 lần so với số vốn đăng ký mới của 6 tháng cuối năm 2015 và so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2015 (93 triệu USD) thì tăng gấp khoảng 24 lần. Điều đó chứng tỏ năm 6 tháng đầu năm 2016 thành phố Hà Nội đã có bước đột phá trong thu hút đầu tư nước ngoài, cùng với thay đổi mang tính tích cực của LĐT năm 2014, phải kể đến nỗ lực rất lớn của lãnh đạo thành phố Hà Nội trong việc đưa ra chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, điều này được minh chứng bởi kết quả thực tế như sau: *“Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội là địa phương dẫn đầu cả nước trong kết quả thu hút FDI quý I/2016, tiếp theo là Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh”* [41].

Tuy nhiên, ngược lại với số dự án và số vốn đăng ký cấp mới, số dự án tăng vốn thì tăng lên và số vốn đăng ký tăng thêm có xu hướng giảm xuống, cụ thể: 6 tháng cuối năm 2015 là 42 (dự án) chiếm 17% và 265 (triệu USD) chiếm 25%[16], 6 tháng đầu năm 2016 là 49 (dự án) chiếm 24% và 115 (triệu USD) chiếm 5%[17]. Như vậy, mặc dù, so về số lượng dự án đăng ký mới thì 6 tháng đầu năm 2016 đã tăng lên, thậm chí tăng mạnh hơn so với 6 tháng đầu năm 2015 (28 dự án), tuy nhiên số vốn đăng ký tăng thêm thì lại giảm mạnh. Điều đó cho thấy, số dự án tăng vốn và số vốn đăng ký tăng thêm giai đoạn sau khi LĐT năm 2014 có hiệu lực pháp luật từ 01/7/2015 đến 30/6/2016 ít hơn rất nhiều so với giai đoạn trước và đặc biệt là so với số dự án đăng ký mới và số vốn đăng ký cấp mới trong giai đoạn này. Theo đó, có thể nhận thấy giai đoạn sau khi LĐT năm 2014 được ban hành và có hiệu lực thì các nhà ĐTNN chú trọng vào đăng ký mới hơn là đăng ký tăng vốn, điều đó càng chứng tỏ số lượng các nhà ĐTNN mới tham gia vào hoạt động sản xuất – kinh doanh thông qua hoạt động đăng ký đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội đã tăng lên với số lượng và quy mô rất lớn.

Hai là, thành phố Hà Nội là một địa phương có năng lực thu hút đầu tư nước ngoài chiếm vị trí cao trong cả nước, góp phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô và đất nước. Theo báo cáo tình hình thu hút FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội tính đến hết tháng 06/2016 thành phố Hà Nội có 3.550 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 24,50 tỷ USD từ 72 quốc gia, vùng lãnh thổ và hiện đứng thứ 3 cả nước về thu hút FDI (chiếm 17% số dự án và 8,2% về vốn đầu tư). Vốn thực hiện đạt khoảng 12,1 tỷ USD (chiếm 52%). Phần lớn các dự án đầu tư theo hình thức 100% vốn nước ngoài (chiếm 76%), còn lại là liên doanh và hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC. Lĩnh vực thu hút vốn lớn nhất là bất động sản (46,6%); tiếp theo là công nghiệp chế tạo (28%); thương mại dịch vụ (24,6%)[41].

Hàn Quốc hiện là quốc gia dẫn đầu về số dự án và vốn đầu tư đăng ký (1.070 dự án và 5,53 tỷ USD); đứng thứ 2 là Nhật Bản (737 dự án và 4,82 tỷ

USD); thứ 3 là Singapore (250 dự án và 4,6 tỷ USD)... Quy mô vốn đăng ký trung bình là 6,64 triệu USD/dự án, thấp hơn mức bình quân cả nước (khoảng 13,97 triệu USD/dự án) do thành phố Hà Nội có số lượng lớn các dự án dịch vụ quy mô nhỏ và vừa (dưới 1 triệu USD chiếm 81%). Các dự án có sử dụng đất, quy mô vốn lớn (trên 300 tỷ, chiếm khoảng 5%). Thành phố Hà Nội đã thu hút nhiều dự án đầu tư dưới nhiều hình thức như thu hút qua cấp mới và điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hay thu hút qua chấp thuận góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế. Theo đó, trong 06 tháng đầu năm 2016, thành phố Hà Nội đã thu hút và cấp phép cho một số dự án lớn gồm: Dự án đầu tư mua sắm và vận hành hệ thống kỹ thuật, thiết bị, công nghệ, phần mềm và kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán trên lãnh thổ Việt Nam (210 triệu USD); Dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển Samsung (300 triệu USD); Dự án ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Public Việt Nam (134 triệu USD)[41]...

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với ưu thế tiềm lực về vốn, công nghệ đã góp phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô: đóng góp khoảng 15% trong tổng vốn đầu tư xã hội, chiếm khoảng 16,5% cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn chiếm khoảng 49,5% kim ngạch xuất khẩu, đóng góp khoảng 13,7% thu ngân sách, tạo ra nhiều việc làm. Nhiều dự án đầu tư nước ngoài tạo điểm nhấn trong diện mạo phát triển đô thị hiện đại của thủ đô, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao góp phần cải thiện, nâng cao mức sống cho người dân[41].

Ba là, mục đích tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 147/QĐ-KH&ĐT ngày 24/5/2016 về việc triển khai thực hiện thí điểm phương án liên thông, phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội từ ngày 01/6/2016. Theo đó, thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư được cắt giảm đáng kể,

Đối với trường hợp: Nhà ĐTNN, tổ chức kinh tế có vốn ĐTNN (quy định tại Điều 3 LĐT năm 2014) đăng ký đầu tư và thành lập tổ chức kinh tế (trường hợp không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, không phải lấy ý kiến thẩm định dự án và lấy ý kiến Bộ ngành theo quy định tại Điều 10 Nghị định 118 và pháp luật chuyên ngành) thời gian giải quyết là: 10 ngày (giảm 08 ngày - tương đương giảm 44% thời gian quy định), trong đó:

- Cấp GCNĐKĐT trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 05 ngày so với quy định).

Đối với trường hợp: Nhà ĐTNN, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 3 LĐT năm 2014 thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư và thành lập tổ chức kinh tế (trường hợp thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, phải lấy ý kiến thẩm định dự án và lấy ý kiến Bộ ngành theo quy định tại Điều 10 Nghị định 118 và pháp luật chuyên ngành) thời gian giải quyết là: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chủ trương đầu tư hoặc ý kiến thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền (giảm 05 ngày – tương đương giảm 62% thời gian quy định).

Đối với trường hợp: Nhà ĐTNN, tổ chức kinh tế có vốn ĐTNN điều chỉnh đồng thời nội dung đăng ký doanh nghiệp và nội dung dự án đầu tư (trường hợp phải lấy ý kiến thẩm định dự án, lấy ý kiến Bộ ngành theo quy định tại Điều 10 Nghị định 118 và pháp luật chuyên ngành) thời gian giải quyết là: 03 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền (giảm 05 ngày – tương đương giảm 62% thời gian quy định).

Đối với trường hợp: Nhà ĐTNN, tổ chức kinh tế có vốn ĐTNN điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp không gắn với điều chỉnh GCNĐKĐT (trường hợp chỉ áp dụng theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp) thời gian giải quyết là: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (giảm 01 ngày so với quy định)[39].

2.4. Đánh giá chung pháp luật đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 và tình hình thực thi pháp luật về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội

Qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội, chúng ta có thể rút ra một số điểm thuận lợi cũng như hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc đó trong hoạt động đăng ký đầu tư.

2.4.1. Đánh giá pháp luật đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014

2.4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

- Thành phố Hà Nội đã cố gắng, nỗ lực trong việc thể chế hóa các quy định của LĐT năm 2014 và các Nghị định hướng dẫn về thủ tục đăng ký, thẩm tra các dự án đầu tư, tạo điều kiện cho nhà đầu tư dễ dàng phân biệt sự khác nhau về mặt thủ tục hành chính khi thực hiện từng loại dự án. Theo đó, hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách về đầu tư nước ngoài không ngừng được cải thiện.

- LĐT năm 2014 quy định chỉ quản lý và điều chỉnh các dự án đầu tư. Luật đã cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, đơn giản và bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư. Luật cũng đã xóa bỏ các quy định phân biệt giữa đầu tư gián tiếp và đầu tư trực tiếp, hạn chế rào cản trong thủ tục đầu tư thông qua hàng loạt các quy định mới về hình thức đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Do vậy, GCNĐKĐT giờ đây chỉ ghi nhận thông tin về dự án đầu tư. Sau khi thực hiện thủ tục cấp GCNĐKĐT, nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập DN tại cơ quan đăng ký kinh doanh như nhà đầu tư trong nước.

- Đối với những dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố Hà Nội (theo quy định tại Điều 32 LĐT năm 2014) bao gồm: dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất [35, Điều 32] thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư được tiến hành đồng thời với việc xem xét thẩm tra nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Việc áp dụng đồng thời các thủ tục trên sẽ giúp cắt giảm đáng kể thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

2.4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

- LĐT năm 2014 bất cập so với luật chuyên ngành, theo khoản c Điều 18 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 quy định: “Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường” thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, theo quy định tại các Điều 30, 31, 32 LĐT năm 2014 thì “*Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường*”[38, Điều 18] không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp GCNĐKĐT[38, Điều 25]. Thực tế, tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cho thấy, việc yêu cầu nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước thời điểm quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp GCNĐKĐT là không phù hợp với thực tế triển khai dự án đầu tư vì tại thời điểm này, nhà đầu tư mới đề xuất địa điểm và chưa có dự án đầu tư được phê duyệt nên không có đủ căn cứ để lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Về thời hạn giải quyết trong lĩnh vực đầu tư liên thông đối với hồ sơ thuộc diện phải xin ý kiến liên ngành thường bị kéo dài chủ yếu do chờ Bộ, ngành có văn trả lời. Quá thời hạn 15 ngày theo Luật định hoặc trả lời không đúng, không rõ vấn đề thuộc lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước được phân công... Vì vậy, làm giảm tính minh bạch, chậm thủ tục hành chính gây lãng phí, phiền hà cho nhà đầu tư, làm giảm chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của thành phố Hà Nội.

2.4.2. Đánh giá tình hình thực thi pháp luật đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội

2.4.2.1 Ưu điểm và nguyên nhân

- Thành phố Hà Nội là đơn vị có nhiều tiềm năng thúc đẩy hoạt động ĐTNN: trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, giáo dục của cả nước; được

quan tâm và có các chính sách riêng, đặc thù được quy định trong Luật Thủ đô, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, các văn bản khác của Nhà nước. Thành phố Hà Nội có hạ tầng cơ sở phát triển kinh tế - xã hội khá đồng bộ; nguồn nhân lực dồi dào cả về số lượng và chất lượng; vị trí địa lý, đầu mối giao thông, một số điều kiện tự nhiên và tài nguyên để phát triển đô thị và kinh tế - xã hội. Sau khi mở rộng diện tích, thành phố Hà Nội có quỹ đất lớn, địa chất công trình thuận lợi để phát triển đô thị, công nghiệp.

- Phòng đầu tư nước ngoài thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc cơ cấu tổ chức của Sở, có chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Sở thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố. Hiện nay, phòng có 12 công chức hành chính và 02 cán bộ hợp đồng, trong đó có 01 trưởng phòng, 03 phó trưởng. Về cơ bản, bằng nỗ lực và quyết tâm của cán bộ, công chức phòng đã hoàn thành tốt công việc được giao.

- Cơ sở vật chất, phương tiện, kỹ thuật của Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội được quan tâm đầu tư nhiều hơn kể từ khi LĐT năm 2014 ban hành. Sở cũng đã triển khai lắp đặt hệ thống thông tin về đầu tư nước ngoài, đồng thời tiến hành thí điểm phương án liên thông, phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Sở. Theo đó, nhà đầu tư chỉ cần đến một địa điểm để thực hiện 02 thủ tục trên, điều này mang lại nhiều thuận tiện cho nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu giai đoạn hiện nay.

4.4.2.2 Hạn chế và nguyên nhân

.- Theo khoản 3 Điều 7 LĐT năm 2014 quy định: “*Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân ... không được ban hành quy định về điều kiện kinh doanh*”[35, Điều 7]. Trên thực tế, nhiều điều kiện đầu tư kinh doanh vẫn được ban hành không đúng thẩm quyền, điều này là suy giảm hiệu lực thi hành các quy định của LĐT năm 2014 về kiểm soát đầu tư kinh doanh tạo ra không ít

khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật về đầu tư. Ví dụ: Bộ trưởng bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm: “*Quy định các biện pháp phòng bệnh bắt buộc; yêu cầu vệ sinh thú ý, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; điều kiện động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển ra khỏi vùng có dịch*”[37, Điều 15]; tại các Điều 20, 21, 22 Luật khí tượng thủy văn năm 2015, có quy định thêm một ngành nghề có điều kiện “*dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn*”[34, Điều 20, 21, 22], khoản 6 Điều 15 Luật Thú ý năm 2015 cũng đặt ra “*các yêu cầu về vệ sinh thú ý trong nuôi trồng thủy sản*”[37, Điều 15],

- Về giải trình năng lực tài chính của nhà đầu tư, một số dự án có yêu cầu tỷ lệ vốn tối thiểu như quy định: điều kiện về năng lực tài chính để đảm bảo việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư. Trên thực tế, vốn chủ sở hữu được thể hiện trên báo cáo tài chính của nhà đầu tư có thể được sử dụng để chứng minh năng lực tài chính cho nhiều dự án yêu cầu tỷ lệ vốn tối thiểu khác nhau, một nhà đầu tư có thể có nhiều dự án ở nhiều địa phương khác nhau trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Công tác phối hợp giữa Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết liên quan đến hoạt động đăng ký đầu tư chưa thật hiệu quả, chưa quy định rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này, vai trò, mức độ, cách thức tham gia của các cơ quan có liên quan chưa được quy định rõ ràng. Cụ thể, trường hợp nào thì phải lấy ý kiến của các Bộ, Sở là bắt buộc?, lấy ý kiến của Bộ nào, Sở nào, số lượng là bao nhiêu, giá trị của các ý kiến trả lời và giải quyết thế nào khi có sự khác nhau về ý kiến trả lời hoặc ý kiến khác với ý kiến của cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư. Đặc biệt, khi có xảy ra tranh chấp giữa Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội với các cơ quan có liên quan về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời điểm xét điều kiện đầu tư và các điều kiện đầu tư... của LĐT và các Luật chuyên ngành thì chưa có quy định nào điều chỉnh tranh chấp đó.

- So với số liệu thống kê về tình hình cấp GCNĐKĐT thì số lượng công chức làm công tác giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư của Sở thiếu về số lượng, chưa đảm bảo tốt nhất hiệu quả công việc được giao. Về trình độ chuyên môn, tính đến 06/2016, bao gồm: 01 tiến sỹ, 5 thạc sỹ và 08 cử nhân, với cơ cấu ngành nghề đa dạng, các chức danh trên chưa hoàn toàn đáp ứng các quy định cụ thể về điều kiện, yêu cầu về trình độ, tiêu chuẩn của từng chức danh theo quy định của thành phố và của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội[41].

- Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký đầu tư về cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Tuy nhiên, về chất lượng và số lượng, về ý thức, trách nhiệm vẫn chưa thật sự được đảm bảo, nhất là trước áp lực rất lớn trong giai đoạn hội nhập hiện nay. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng giảm hiệu quả hoạt động đăng ký đầu tư, gây mất niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với nhà nước và pháp luật.

- Công tác thu hút đầu tư nước ngoài vẫn mang tính thụ động, chủ yếu xuất phát từ lợi thế vị trí địa lý, các điều kiện thuận lợi sẵn có của Thủ đô tạo nên nhu cầu của nhà đầu tư. Tính chủ động và định hướng trong xúc tiến thu hút đầu tư chưa đạt hiệu quả; thiếu các dự án sẵn quỹ đất sạch, có lợi thế thương mại cao, đủ điều kiện pháp lý để vận động thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các dự án lớn, cần tận dụng lợi thế tiềm lực tài chính, công nghệ và uy tín thương hiệu của nhà đầu tư nước ngoài để tạo sự lan tỏa trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Nguyên nhân của hoạt động này do công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố chưa thật sự sát sao. Mặt khác, thành phố Hà Nội đang đối diện với thách thức cạnh tranh thu hút đầu tư FDI với cách tỉnh lân cận như Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh... Các tỉnh này có vị trí giao thông thuận lợi, có các

lợi thế cạnh tranh hấp dẫn hơn về mặt bằng sản xuất sẵn có, giá thuê đất, nhân công rẻ, hạ tầng kỹ thuật giao thông ngày càng được đầu tư cải thiện.

- Trong thời qua, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư đã bộc lộ một số hạn chế. Thành phố Hà Nội đã tăng cường thu hút đầu tư mà chưa chú trọng chất lượng, hiệu quả của dự án, không tuân thủ quy hoạch phát triển ngành và lãnh thổ, buông lỏng biện pháp kiểm tra, giám sát và thiếu chế tài ràng buộc trách nhiệm của nhà đầu tư trong việc thực hiện dự án. Đây là một trong nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng một số dự án đã được cấp GCNĐKĐT, nhưng không được triển khai theo đúng tiến độ, gây lãng phí nguồn lực đất đai, tài nguyên của đất nước, làm suy giảm lòng tin của xã hội về tính hiệu quả trong hoạt động thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa cơ quan trung ương và địa phương chưa được hoàn thiện kịp thời trong bối cảnh thực hiện chế độ phân cấp cũng gây nhiều khó khăn trong hoạt động quản lý đầu tư.

Kết luận chương 2

Thành phố Hà Nội là trung tâm kinh tế, hành chính, chính trị của cả nước, là địa phương có nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên và xã hội, đặc biệt có tiềm năng thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến ngày 30/6/2016, tình hình đăng ký đầu tư về cả số dự án và số vốn đăng ký đã tăng mạnh theo từng năm, đặc biệt là từ khi LĐT năm 2014 được ban hành có hiệu lực từ 01/7/2015. Điều đó cho thấy, thu hút đầu tư nước ngoài tại thành phố Hà Nội đã đạt được kết quả cao.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký đầu tư nói chung và đánh giá về số liệu thực tiễn áp dụng về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội, chúng ta có thể rút ra một số đánh giá về thuận lợi cũng như hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc đối với hoạt động đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội.

Qua đó, có thể nói rằng, một mặt ghi nhận sự nỗ lực của Hà Nội trong vấn đề thu hút đầu tư phát triển, nhưng mặt khác nhận thấy cơ chế, chính sách và pháp luật hiện hành về đăng ký đầu tư cần phải được nghiên cứu và hoàn thiện thêm rất nhiều. Như vậy, thủ tục đầu tư đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thu hút đầu tư phát triển kinh tế tại thành phố Hà Nội, mặt khác nếu không chú trọng hoạt động này chính là rào cản và làm nản ý chí của các nhà đầu tư nước ngoài.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2014 TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Phương hướng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 từ thực tiễn Thành phố Hà Nội

Chế định đăng ký đầu tư là chế định quan trọng có liên quan chặt chẽ với các chế định khác trong LĐT và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vì vậy, phương hướng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư cần phải đặt trong sự hoàn thiện chung với các chế định khác. Có như vậy mới tạo sự thống nhất, nhất quán và dễ dàng thực hiện trên thực tế đối với hệ thống pháp luật về đầu tư. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất định hướng hoàn thiện một số nội dung của LĐT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó có các quy định liên quan đến đăng ký đầu tư.

3.1.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả của pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội

Một là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường đầu tư bình đẳng, thuận lợi và minh bạch hơn nữa để huy động tối đa nguồn vốn đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; góp phần thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Hai là, tạo bước chuyển biến mới về cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện hoạt động đầu tư gắn liền với việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư; góp phần tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để các nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư với thủ tục đơn giản hơn và chi phí thấp hơn.

Ba là, bổ sung, hoàn thiện cơ chế khuyến khích và bảo hộ đầu tư phù hợp với cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường và tự do hóa đầu tư theo các điều ước quốc tế đã và sẽ thỏa thuận trong thời gian tới. Chính sách thu hút đầu tư phải đảm bảo tính hấp dẫn, cạnh tranh so với các nước trong khu vực.

Bốn là, những nội dung của Luật phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các luật liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh, đồng thời kế thừa, tiếp tục phát triển và hoàn thiện những quy định thông thoáng của LĐT hiện hành phù hợp với thực tế.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư

- **Một là**, bổ sung các quy định cụ thể về tiêu chí, cơ sở để cấp hoặc từ chối cấp GCNĐKĐT và thẩm tra năng lực tài chính của nhà đầu tư qua đó tạo thuận lợi cho nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư trong quá trình thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh. Tiêu chí thẩm tra dự án được phê duyệt phải phù hợp với quy hoạch và yêu cầu quản lý nhằm tránh tình trạng cấp phép tùy tiện phá vỡ quy hoạch.

- **Hai là**, quy định rõ và thống nhất tiêu chí xem xét dự án đầu tư với tiêu chí giao đất, cho thuê đất. Hoàn thiện các quy định phân cấp trong việc cấp GCNĐKĐT theo hướng đảm bảo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch vùng lãnh thổ; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thẩm tra và quản lý hoạt động của dự án.

- **Ba là**, tiếp tục rà soát pháp luật, chính sách để sửa đổi hoặc loại bỏ các điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư không phù hợp với cam kết của Việt Nam với WTO và có giải pháp đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư liên quan.

- **Bốn là**, xây dựng văn bản hướng dẫn các địa phương và doanh nghiệp về lộ trình cam kết mở cửa đối với đầu tư nước ngoài làm cơ sở xem xét cấp GCNĐKĐT.

- **Năm là**, tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp quản lý, quy định rõ hơn nữa trách nhiệm của người có thẩm quyền ký, phê duyệt các dự án đầu tư.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 từ thực tiễn thành phố Hà Nội

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014

- **Một là**, ban hành kịp thời văn bản hướng dẫn thi hành những bất cập về điều kiện kinh doanh, thủ tục cấp GCNĐKĐT và về thủ tục chấp thuận chủ

trương đầu tư của LĐT năm 2014 và các văn bản luật chuyên ngành. Mặt khác, cần có sự thống nhất giữa các Bộ, ngành trong quá trình rà soát các điều kiện kinh doanh tránh tình trạng chồng chéo, không tương thích nhau. Kiến nghị bỏ quy định về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước thời điểm quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật bảo vệ môi trường năm 2014: “ *Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các việc sau: Quyết định chủ trương đầu tư dự án đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 của Luật này trong trường hợp pháp luật quy định dự án phải quyết định chủ trương đầu tư.* ”[38, Điều 25]; Điểm a khoản 1 Điều 18 năm 2014 quy định đối tượng phải thực hiện dự án đánh giá tác động môi trường : “ *Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ*”[38, Điều 18].

- **Hai là**, Đối với các dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, tại Điều 25 Nghị định số 118: “ *Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư để quyết định chủ trương đầu tư Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư phải lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đó...* ”[8, Điều 25]

Phải quy định rõ lấy ý kiến của các cơ quan nào, sở nào, bộ ban ngành nào, “các cơ quan có liên quan” được hiểu như thế nào, tiêu chí cụ thể đối với mỗi nội dung được yêu cầu xin ý kiến. Quy định về thủ tục quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với thủ tục cấp giấy phép của các luật chuyên ngành khác.

- **Ba là**, hoàn thiện quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài theo tiêu chí quốc tịch, bỏ các quy định tại khoản 1 Điều 23 LĐT năm 2014: “ *Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên;

c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên”[35, Điều 23] về nhà đầu tư nước ngoài theo tiêu chí vốn để đảm bảo công bằng giữa các nhà đầu tư khi bỏ vốn đầu tư dự án.

- **Bốn là**, đối với dự án có quy định về tỷ lệ vốn tối thiểu nên quy định nội dung về giải trình năng lực tài chính của nhà đầu tư theo hướng ràng buộc tổng số vốn tối thiểu đối với tất cả các dự án của nhà đầu tư nước ngoài không được lớn hơn vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư. Quy định về điều kiện vốn chủ sở hữu của chủ dự án đầu tư đối với trường hợp chủ dự án đăng ký đầu tư đối với nhiều ngành nghề yêu cầu tỷ lệ vốn tối thiểu. Quy định như vậy nhằm mục đích bảo đảm về tài chính cho dự án có thể thực hiện được trên tế.

- **Năm là**, về thời hạn giải quyết trong lĩnh vực đầu tư liên thông nên quy định rõ ràng quyền hạn, trách nhiệm, chế tài đối với việc giải quyết chậm trễ,... của cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Quy định trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong trường hợp phải lấy ý kiến liên ngành đồng thời có chế tài xử lý đối với trường hợp có vi phạm.

- **Sáu là**, bổ sung các quy định về điều kiện đáp ứng năng lực và chuyên môn của các cán bộ nhà nước về quản lý đầu tư đối với lĩnh vực đăng ký đầu tư. Tăng cường số lượng công chức, nâng cao trình độ, chất lượng của đội ngũ công chức thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký đầu tư.

- **Bảy là**, công khai hóa các quy hoạch đã được phê duyệt để trên cơ sở đó các nhà đầu tư có thể biết được chủ trương, chính sách, quy hoạch của nhà nước qua đó có định hướng đầu tư.

- **Tám là**, về xúc tiến đầu tư: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phát huy vai trò điều phối và phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược xúc tiến đầu tư tổng thể cho quốc gia, cho từng vùng và từng địa phương đạt hiệu quả;

Sớm thống nhất mô hình xúc tiến đầu tư trong cả nước, hiện nay mô hình tổ chức Cơ quan xúc tiến đầu tư ở các địa phương đang tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau; tùy thuộc vào quan điểm chỉ đạo của Lãnh đạo quận huyện và điều kiện cụ thể.

3.2.2. Hoàn thiện thực thi hành pháp luật về đăng ký đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 tại thành phố Hà Nội

Để đảm bảo việc thi hành pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội cần phải tiến hành nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; cơ chế phối hợp; cải thiện môi trường đầu tư và cải cách hành chính nhà nước ở thành phố Hà Nội. Cụ thể như:

- **Thứ nhất**, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, thể hiện dưới các nội dung sau đây:

- Cần phân công lãnh đạo UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo, theo dõi giải quyết toàn diện công tác đăng ký đầu tư để tạo thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành hiệu quả, thống nhất xuyên suốt từ cơ chế chính sách, cấp phép đầu tư dự án và hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn triển khai dự án, đặc biệt là dự án quy mô lớn, sử dụng liên quan công tác quản lý nhà nước của nhiều sở, ngành

Định kỳ lãnh đạo thành phố chủ trì cùng các ngành giao ban đối thoại với nhà đầu tư nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy thực hiện dự án vướng mắc (đặc biệt là công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng...) để thúc đẩy tiến độ triển khai dự án FDI có sử dụng đất trên địa bàn thành phố nhằm tăng lượng vốn giải ngân, cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thúc đẩy thu hút đầu tư. Đồng thời qua đó tiếp thu phản ánh kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao hiệu quả công tác điều hành, kịp thời động viên khen thưởng, khích lệ doanh nghiệp có thành tích trong sản xuất kinh doanh.

- **Thứ hai**, tiếp tục xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đăng ký đầu tư của các cơ quan liên quan, tránh chồng chéo khó khăn cho doanh nghiệp, đảm bảo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát sau đầu tư.

Hiện nay, các cơ quan nhà nước tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hoạt động quản lý đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội do được phân cấp, phân quyền dù ít, dù nhiều đều có ảnh hưởng đến tiến độ thủ tục đầu tư của các dự án. Do đó, việc áp dụng và thi hành pháp luật về đăng ký đầu tư nói riêng và pháp luật đầu tư nói chung cần phải được cải thiện một cách mạnh mẽ, đồng bộ. Có như vậy mới tạo ra sự thống nhất và rút ngắn thời gian về mặt thủ tục cho các nhà đầu tư. Từ đó, yêu cầu nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội không chỉ đặt ra ở một cơ quan hay một ngành nhất định mà cần có sự phối hợp tích cực, cải thiện quyết liệt của tất cả hệ thống các đơn vị có liên quan.

a. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện công tác vận động, xúc tiến đầu tư vào thành phố Hà Nội;

- Là cơ quan thường trực tổ chức theo dõi, đôn đốc điều phối, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện các quy định về đầu tư. Tập trung vào các nhiệm vụ sau: Nghiên cứu đề xuất, sửa đổi bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ liên quan đến công tác thu hút và quản lý đầu tư trên địa bàn; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo đánh giá kết quả việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong đầu tư sau 02 năm thành lập để có giải pháp thích hợp điều chỉnh, sửa đổi. Tiến hành rà soát các thủ tục hành chính, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi quy định do cắt giảm thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục đầu tư; chịu trách nhiệm về cải thiện chỉ số cạnh tranh của tỉnh.

b. Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban Quản lý khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc

- Chủ động triển khai các hoạt động vận động, xúc tiến đầu tư do mình phụ trách; đồng thời phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư nói chung;

- Rà soát các thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian giải quyết các hồ sơ, thủ tục trong lĩnh vực đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

- Nghiên cứu các đề xuất, sửa đổi bổ sung các chính sách hỗ trợ đầu tư và quản lý đầu tư đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế và các khu công nghiệp;

c. Sở Xây dựng

- Nghiên cứu rà soát, điều chỉnh quy hoạch và xây dựng quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch đô thị; lập danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý theo dõi, đôn đốc triển khai các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý;

- Rà soát các thủ tục hành chính trong khảo sát, lựa chọn địa điểm phê duyệt quy hoạch và cấp phép xây dựng, soát xét, chấn chỉnh công tác xử lý hồ sơ của các nhà đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm đối với việc cải thiện, nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai.

d. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và công bố rộng rãi quy hoạch sử dụng đất của tỉnh theo hướng sử dụng hiệu quả nguồn đất đai; đảm bảo liên kết với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, ưu tiên đất để thực hiện các dự án đã có trong quy hoạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng; rà soát quy định bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Rà soát các thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian xử lý, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của đơn vị như hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đánh giá tác động môi trường của dự án;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính và UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trong việc cải thiện, nâng cao chỉ số Tiếp cận đất đai.

e. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu, đề xuất quy định hỗ trợ đầu tư về chuyển giao công nghệ, hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, hỗ trợ đầu tư các trung tâm nghiên cứu và phát triển đối với các dự án đầu tư trong nước;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Hội thảo khoa học về Chiến lược thu hút đầu tư vào thành phố Hà Nội đến năm 2020, có tính đến năm 2030.

f. Sở Lao động thương binh và xã hội

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương cấp huyện để kịp thời giải quyết hoặc tham mưu giải quyết các mâu thuẫn giữa chủ doanh nghiệp và người lao động, quan tâm đến chế độ chính sách, quyền lợi của người lao động làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng và cá doanh nghiệp nói chung;

- Chịu trách nhiệm chính trong việc cải thiện, nâng cao chỉ số đào tạo lao động.

g. Sở Thông tin và truyền thông

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong việc thu hút đầu tư;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin vào điều hành công vụ; đặc biệt xây dựng,

ứng dụng phần mềm tiếp nhận và trả kết quả liên thông giữa các cơ quan gắn với việc xây dựng chính quyền điện tử;

- Duy trì, vận hành và quản lý có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh hỗ trợ các cơ quan trong việc tuyên truyền, quảng bá; thường xuyên theo dõi, đôn đốc và kiểm soát việc đăng tải, cập nhật thông tin, dữ liệu nhất là các dữ liệu quy trình, thủ tục hành chính tại các trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành, địa phương.

h. Công an thành phố Hà Nội

- Chỉ đạo việc đảm bảo an ninh, trật tự cho hoạt động của các doanh nghiệp và nhà đầu tư;

- Xem xét xử lý nghiêm đối với các trường hợp có hành vi kích động, gây rối, phá hoại đến hoạt động đăng ký và triển khai dự án, sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư;

- Có các biện pháp can thiệp kịp thời, có hiệu quả để tạo tâm lý an tâm cho nhà đầu tư khi triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

i. Sở Tài chính

- Rà soát, tham mưu điều chỉnh giá đất phù hợp với quy định pháp luật và thực tế thị trường;

- Nghiên cứu xây dựng, đưa ra các giải pháp về tài chính minh bạch, tiết kiệm nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn.

k. Thanh tra thành phố Hà Nội

- Xây dựng kế hoạch thanh tra công vụ tại các sở, ban, ngành và địa phương để kịp thời chấn chỉnh hoạt động công vụ tại các cơ quan, đơn vị; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công vụ, thực hiện các quy định của Nhà nước trong quy trình xử lý và thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương chịu trách nhiệm chính trong việc cải thiện, nâng cao Chỉ số thành phần Chi phí thời gian để thực các quy định của Nhà nước.

l. Sở Nội vụ

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính và đạo đức công vụ tại các sở, ban, ngành và địa phương để kịp thời chấn chỉnh hoạt động này tại các cơ quan, đơn vị;

- Phối hợp với Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm chính trong việc cải thiện, nâng cao Chỉ số Chi phí không chính thức.

m. Sở Tư pháp

- Giám sát, kiểm tra quy định và nội dung ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, giảm thiểu việc chồng chéo, trùng lặp trong các văn bản ban hành. Rà soát lại các văn bản hết hiệu lực hoặc các quy định hết hiệu lực;

- Kịp thời đăng tải các văn bản mới ban hành của tỉnh trên trang thông tin điện tử của Sở để người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng và nhanh nhất;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương chịu trách nhiệm chính trong việc cải thiện, nâng cao Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý.

o. Ủy ban nhân dân cấp huyện (quận, huyện, thị xã)

- Đẩy mạnh cải cách hành chính ở cơ quan, đơn vị mình; chỉ đạo sát sao các hội đồng đền bù, giải phóng mặt bằng trong việc giải phóng mặt bằng thu hồi đất và giao đất cho các dự án đầu tư. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch UBND thành phố về tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn;

- Tăng cường công tác thông tin, quản lý dữ liệu đầu tư và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo vấn đề quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn.

p. Đài phát thanh truyền hình thành phố Hà Nội

Tăng cường công tác tuyên truyền về môi trường đầu tư của tỉnh; chủ động xây dựng, phối hợp xây dựng công tác tuyên truyền hàng tháng, phổ hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành liên quan về nội dung, hình thức cũng như cách thức thực hiện.

- **Thứ ba**, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tạo thuận lợi trong tiếp cận đất đai, sử dụng quỹ đất, mặt bằng đầu tư kinh doanh, cần tập trung vào những nhiệm vụ sau đây:

+ Tập trung chỉ đạo thực hiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ quy mô lớn đã được cấp phép để đẩy nhanh việc thực hiện giải ngân vốn đầu tư, tạo ra quỹ đất, mặt bằng thuận lợi để thu hút thêm dự án FDI, thứ phát (như khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội, khu công nghiệp Sạch Sóc Sơn, khu công nghiệp cao Sinh học, khu công nghiệp cao Hòa Lạc, khu đô thị thương mại Tây Hồ Tây, Gamuada...)

+ Ưu tiên bố trí quỹ đất có lợi thế thương mại cao, thuận lợi công tác giải phóng mặt bằng để lập Dự án kêu gọi thu hút đầu tư nước ngoài, ứng vốn từ ngân sách hoặc có chính sách khuyến khích hấp dẫn nhà đầu tư ứng vốn triển khai nhanh giải phóng mặt bằng, đầu tư dự án phát triển dự án đặc biệt ưu tiên các dự án có quy mô lớn, có động lực lan toả để thu hút đầu tư trong các ngành, lĩnh vực phù hợp với chiến lược của thành phố.

+ Triển khai công tác thu hút đầu tư phát triển khu vực Nhật Tân – Nội Bài theo quy hoạch được phê duyệt, các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển thành phố đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp nhận tại QĐ số 61/2015/QĐ – TTg ngày 29/11/2015.

- **Thứ tư**, tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhà nước tại thành phố Hà Nội, cần triển khai đồng bộ trên các phương diện dưới đây:

a. Tiếp tục hoàn thiện về thể chế hành chính về đăng ký đầu tư

+ Thực hiện tốt cải cách thể chế hành chính tại thành phố Hà Nội sẽ tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng.

+ Yêu cầu phía cơ quan quản lý tiếp tục rà soát pháp luật, chính sách để sửa đổi hoặc loại bỏ các điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư không phù hợp cam kết của Việt Nam với WTO và có giải pháp đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư liên quan.

+ Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về đầu tư và doanh nghiệp để kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc phát sinh.

+ Tiếp tục sửa đổi các quy định pháp luật về đăng ký đầu tư để đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoàn thiện một số quy định nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện dự án đầu tư.

b. Cải cách về tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký đầu tư

+ Trên cơ sở quy định của Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015, cần áp dụng các quy định mới về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa trung ương với địa phương, giữa các cấp của chính quyền địa phương. Từ đó, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương (thành phố Hà Nội), tăng cường mối liên hệ và trách nhiệm của chính quyền trước nhân dân địa phương.

+ Chức năng của các cơ quan Nhà nước có thể thu hẹp nhưng nhiệm vụ lại phải tăng cường hơn trong việc hình thành các loại thị trường và kiến tạo các điều kiện để cơ chế thị trường có thể vận hành, phát huy hiệu quả, đồng thời thực hiện vai trò phúc lợi của nhân dân ngày một tốt hơn.

c. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

+ Nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại LĐT năm 2014 và quy định mới về phân cấp quản lý đầu tư nước ngoài.

+Thể chế hóa các nội dung liên quan tới tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức để phù hợp với vị trí, việc làm, từ đó có thể sắp xếp và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực đầu tư nói chung, đăng ký đầu tư và lĩnh vực liên quan đến đăng ký đầu tư nói riêng.

+ Nâng cao chất lượng và năng lực của đội ngũ công chức, trước hết cần thực hiện chế độ công vụ theo chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm, quyền hạn; có tiêu chí đánh giá cụ thể kết quả công việc theo từng chức danh.

+ Cần có sự đổi mới cải cách, từ tuyển dụng, bổ nhiệm, bãi miễn đến đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chính sách đãi ngộ đánh giá cán bộ, công chức...

d.Tiếp tục cải cách tài chính công và cơ sở vật chất, phương tiện, kỹ thuật

+ Đổi mới hệ thống chính sách thuế theo hướng thích ứng dần với cơ chế thị trường và phù hợp thông lệ quốc tế trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư trong và ngoài nước.

+ Nâng cao hiệu quả việc huy động và sử dụng nguồn vốn ODA để khôi phục, nâng cấp và xây dựng mới hàng loạt các dự án quốc gia quy mô lớn trong các lĩnh vực giao thông, điện, thủy lợi, cấp thoát nước, ý tế, giáo dục, đào tạo.

+ Nhà nước đảm bảo trang thiết bị làm việc công sở để phục vụ việc thi hành công vụ;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả cho bộ máy thực thi công vụ và tăng tiện ích, thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính. Triển khai đồng bộ công tác tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn thực hiện văn bản pháp luật mới.

+ Tiếp tục tăng cường đầu tư về cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc cho cơ quan đầu mối về đăng ký đầu tư đảm bảo thuận tiện hoạt động thực thi công vụ của các cơ quan nói trên.

Kết luận chương 3

Đăng ký đầu tư trong LĐT năm 2014 là chế định hết sức quan trọng, thể hiện tư duy pháp lý và năng lực quản lý của các cơ quan có thẩm quyền.

Từ những thuận lợi, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội, có thể xây dựng và luận giải phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội.

Đặc biệt, giải pháp hoàn thiện pháp luật mang tính then chốt. Theo đó, cần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật, kết hợp với đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư, đồng thời cần phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, để xây dựng những quy định pháp luật thực sự thống nhất, đồng bộ, loại bỏ sự chồng chéo, trùng lặp và rườm rà.

Bên cạnh giải pháp hoàn thiện pháp luật, cần hết sức chú trọng đến giải pháp đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội. Do đó, cần phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; về cơ chế phối hợp; về cải thiện môi trường đầu tư và về cải cách hành chính nhà nước ở thành phố Hà Nội.

Các giải pháp này phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất trong hoạt động đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội sẽ mang lại hiệu quả cao trên thực tế.

KẾT LUẬN

Đầu tư là một trong những nhân tố làm thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước, trong đó việc thu hút nguồn đầu tư nước ngoài rất quan trọng. Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đòi hỏi chúng ta phải có một môi trường đầu tư thực sự hấp dẫn, mà một trong những yếu tố giữ vai trò rất quan trọng trong môi trường đầu tư đó chính là chính sách pháp luật đầu tư nói chung và thủ tục đăng ký đầu tư nói riêng. Vì quá trình đầu tư có liên quan đến rất nhiều các hoạt động của các tổ chức, cá nhân và được tiến hành trong một khoảng thời gian dài nên các nhà đầu tư thực sự cần một môi trường pháp lý đủ vững chắc, có hiệu lực. Môi trường này bao gồm một hệ thống đầy đủ các chính sách, quy định cần thiết, đảm bảo sự nhất quán không mâu thuẫn, chồng chéo với nhau bởi các quy định thường là thủ tục hành chính: đăng ký đầu tư, xin cấp giấy phép đầu tư, giải quyết khiếu kiện và các vấn đề khác trong cuộc sống của nhà đầu tư đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài...

Việc quy định các chính sách không nhất quán trong thủ tục đăng ký đầu tư dẫn đến nhà đầu tư không biết phải thực hiện theo quy định nào là đúng nên thường dễ đẩy nhà đầu tư lâm vào tình trạng vi phạm pháp luật mà không hay biết. Hơn nữa, việc ban hành quá nhiều các quy định pháp luật đối với nhà đầu tư nước ngoài thường dẫn đến cửa quyền, sách nhiễu của cơ quan quản lý nhà nước - Cơ quan quản lý đầu tư nước ngoài điều đó dễ dẫn đến việc làm nản lòng nhà đầu tư nước ngoài khi muốn đầu tư kinh doanh lâu dài ở Việt Nam.

Thành phố Hà Nội không ngừng cải thiện môi trường chính sách pháp luật về đầu tư, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều chính sách chồng chéo, thiếu đồng bộ, các quy định về thủ tục đăng ký đầu tư còn nhiều rườm rà, tính hiệu lực còn thấp. Vì vậy, trong điều kiện phát triển kinh tế đất nước hiện nay, cùng với xu hướng hội nhập nền kinh tế, pháp luật về đăng ký đầu tư phải được hoàn thiện hơn nữa cả về nội dung và hình thức, hủy bỏ những thủ tục đầu tư

không cần thiết, không phù hợp cho các nhà đầu tư, giảm bớt một số giấy phép, đồng thời phải công khai, minh bạch, thống nhất các thủ tục đầu tư....Có như vậy, mới hấp dẫn các nhà đầu tư, mới thu hút được nguồn vốn để đầu tư góp phần đẩy mạnh nền kinh tế, nâng cao đời sống cho nhân dân Thủ đô.

Thực tiễn áp dụng pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội cho thấy hoạt động đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 đã từng bước đi vào ổn định và ngày càng chuyên nghiệp hơn; đã có sự đổi mới cơ bản về công tác tổ chức quản lý hoạt động đăng ký đầu tư, về chuyên môn nghiệp vụ, lề lối, tác phong làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động đăng ký đầu tư tại thành phố Hà Nội.

Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội có vị trí và vai trò, trong đó cần xác định rõ giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội là giải pháp then chốt, hàng đầu, giải pháp đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật về đăng ký đầu tư theo LĐT năm 2014 tại thành phố Hà Nội là giải pháp tích cực và có hiệu quả cao trên thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành TW Đảng khóa X(2015), *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
2. Đặng Ngọc Bảo, 2011. *Thực trạng thi hành pháp luật về cấp giấy chứng nhận đầu tư theo Luật Đầu tư 2005*. Luận văn thạc sỹ. Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), *Thông tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư vào báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Luật đầu tư và định hướng hoàn thiện*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội.
5. Chính phủ (2006), *Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Chính phủ (2013), *Nghị quyết về định hướng nâng cao hiệu quả, sử dụng và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Chính phủ (2015), *Nghị định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
8. Chính phủ (2015), *Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Chính phủ (2015), *Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Chính phủ (2015), *Nghị định về đăng ký doanh nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Cục Đầu tư nước ngoài (2013), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2012*, Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Hà Nội.

12. Cục Đầu tư nước ngoài (2014), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2013*, Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Hà Nội.
13. Cục Đầu tư nước ngoài (2014), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 06 tháng năm 2014*, Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Hà Nội.
14. Cục Đầu tư nước ngoài (2015), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 06 tháng năm 2015*, Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Hà Nội.
15. Cục Đầu tư nước ngoài (2015), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2014*, Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Hà Nội.
16. Cục Đầu tư nước ngoài (2016), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2015*, Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Hà Nội.
17. Cục Đầu tư nước ngoài (2016), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 06 tháng năm 2016*, Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Hà Nội.
18. Cục thống kê thành phố Hà Nội (2013), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12*, Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội.
19. Cục thống kê thành phố Hà Nội (2014), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12*, Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội.
20. Cục thống kê thành phố Hà Nội (2015), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12*, Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội.
21. Cục thống kê thành phố Hà Nội (2016), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12*, Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội.
22. Cục thống kê thành phố Hà Nội (2016), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 06*, Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội.
23. Đảng bộ thành phố Hà Nội (2015), *Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
24. Nguyễn Thị Hải, 2014. *Hoàn thiện pháp luật về đầu tư – qua thực tiễn đầu tư nước ngoài tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa*. Luận văn thạc sỹ. Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.

25. Trịnh Thị Thúy Hằng, 2013. *Điều kiện đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong bối cảnh gia nhập WTO*. Luận văn thạc sỹ. Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.
26. Nguyễn Thị Phương Hồng, 2010. *Thủ tục đăng ký và thẩm tra dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư ở Việt Nam*. Luận văn thạc sỹ. Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.
27. Hội đồng chính phủ (1997), *Điều lệ về đầu tư của nước ngoài ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương (2015), *Đặc san tuyên truyền pháp luật – Chủ đề giới thiệu Luật Đầu tư năm 2014*, Hà Nội.
29. Quốc hội (1987), *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội (1996), *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (1998), *Luật khuyến khích đầu tư trong nước(sửa đổi)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội (2005), *Luật Đầu tư*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
33. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
34. Quốc hội (2015), *Luật Khí tượng thủy văn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Quốc hội (2015), *Luật Thú ý*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Quốc hội (2014), *Luật bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (2016), *Triển khai thực hiện thí điểm phương án liên thông, phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội từ ngày 01 tháng 06 năm 2016*, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, Hà Nội.

40. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (2016), *Báo cáo sơ bộ tình hình thu hút FDI 6 tháng đầu năm 2016*, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Hà Nội.
41. Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (2016), *Báo cáo tổng quan hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn*, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, Hà Nội.
42. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Văn phòng Chính phủ, Hà Nội.
43. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia*, Văn phòng Chính phủ, Hà Nội.
44. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương*, Văn phòng Chính phủ, Hà Nội.
45. Nguyễn Đình Tuấn (2014), *Pháp luật về đăng ký đầu tư từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*, Luận văn thạc sỹ, Học viện khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
46. Trường Đại học kinh tế quốc dân (2003), *Giáo trình kinh tế đầu tư*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật Đầu tư*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật hành chính*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2014), *Chương trình xúc tiến đầu tư của thành phố Hà Nội giai đoạn 2014 – 2015 và định hướng đến năm 2020*, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội.
50. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2014), *Ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân thành phố do Luật Đất đai 2013 và các nghị định của Chính phủ giao cho về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội.

51. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2016), *Ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thành phố Hà Nội*, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội.
52. <http://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/10432/diem-moi-noi-bat-cua-luat-dau-tu-2014>
53. <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/1780/Nh%E1%BB%AFng-n%E1%BB%99i-dung-m%E1%BB%9Bi-c%E1%BB%A7a-Lu%E1%BA%ADt-%C4%90%E1%BA%A7u-t%C6%B0-n%C4%83m-2014.aspx>
54. <http://khucongngiep.com.vn/dinhhuong/tabid/65/articleType/ArticleView/articleId/1187/Nhng-im-mi-ca-Lut-u-t-nm-2014.aspx>
<http://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thong-bao-van-ban-moi/email/8780/mot-so-diem-moi-trong-luat-dau-tu-2014>